

ĐẢNG ỦY XÃ SƠN THUY
BAN XÂY DỰNG ĐẢNG

*

Số 102 -CV/BXDD

Về đẩy mạnh tuyên truyền những thành tựu nổi bật của đất nước trong 5 năm 2021 - 2025 và tuyên truyền kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2026 – 2031

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Sơn Thuy, ngày 06 tháng 04 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã,
- Phòng Văn hoá - Xã hội xã,
- Trung tâm Dịch vụ công xã,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc Đảng uỷ xã.

Thực hiện Công văn số 691-CV/BTGDV, ngày 31/3/2026 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ về việc tuyên truyền những thành tựu nổi bật của đất nước trong 5 năm 2021-2025 và tuyên truyền kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Nhằm kịp thời tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn xã về những thành tựu quan trọng, đổi mới sáng tạo, thực hiện đột phá chiến lược và phát huy mạnh mẽ tinh thần đoàn kết toàn dân tộc. Tuyên truyền ý nghĩa, kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2026 – 2031. Ban Xây dựng Đảng gửi các cơ quan, đơn vị, các chi, Đảng bộ: **Đề cương tuyên truyền những thành tựu nổi bật của đất nước trong 5 năm 2021 - 2025 và Đề cương tuyên truyền kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2026 - 2031** do Ban tuyên giáo và Dân vận Trung ương phối hợp với các cơ quan, đơn vị biên soạn để làm tài liệu tuyên truyền.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, chi bộ, đảng bộ, lựa chọn hình thức tuyên truyền phù hợp, hiệu quả; tăng cường thời lượng, tin, bài, phóng sự, phỏng vấn... thông tin, tuyên truyền kịp thời những thành tựu nổi bật của đất nước trong 5 năm 2021 - 2025 và kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2026 – 2031 (*Có Đề cương tuyên truyền gửi kèm*).

Nơi nhận:

- Như trên (thực hiện),
- Thường trực Đảng uỷ (báo cáo),
- Lưu Ban xây dựng Đảng. (Hải)

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Đỗ Thị Hiếu

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN
NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA ĐẤT NƯỚC TRONG 5 NĂM 2021 - 2025
(kèm theo Công văn số 102-CV/BXDD, ngày 06/4/2026
của Ban xây dựng Đảng)

I. BỐI CẢNH

1. Tình hình thế giới

Trong 5 năm qua, tình hình thế giới có nhiều biến động, phức tạp, khó đoán định,... các cuộc chiến tranh, xung đột ở một số khu vực ảnh hưởng đến mọi mặt quan hệ quốc tế, làm gia tăng căng thẳng địa chính trị, tác động đến an ninh năng lượng, lương thực, biến đổi khí hậu và cùng các thách thức an ninh phi truyền thống khác, gây cản trở sự phát triển của nhân loại. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra sự nhảy vọt của lực lượng sản xuất, đẩy mạnh hiện đại hóa đời sống kinh tế - xã hội trên nền tảng số hóa và kết nối vạn vật, làm gia tăng khoảng cách phát triển giữa các nước, các nền kinh tế, tạo ra những thời cơ, thách thức đối với các quốc gia, dân tộc. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra quyết liệt, làm thay đổi vị trí, vai trò, tương quan lực lượng giữa các nước gia tăng rủi ro đối với lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng, tiếp tục là khu vực phát triển năng động nhưng cũng là tâm điểm cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, tiềm ẩn nhiều nhân tố bất ổn về an ninh truyền thống và phi truyền thống; tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt, đe dọa hòa bình, ổn định và phát triển trong khu vực.

2. Tình hình trong nước

Giai đoạn 2021 - 2025, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Đảng, sự quản lý, điều hành quyết liệt của Chính phủ, nỗ lực vào cuộc của cả hệ thống chính trị; sự chung sức, đồng lòng của Nhân dân và sự ủng hộ của bạn bè quốc tế, đất nước ta đã vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội XIII đề ra, đạt được những thành tựu phát triển quan trọng, khá toàn diện và có nhiều điểm sáng, như: giữ vững ổn định chính trị - xã hội; phòng, chống hiệu quả đại dịch Covid -19, tháo gỡ khó khăn, phục hồi phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân. Nền kinh tế đã có sự chuyển biến tích cực, toàn diện trên nhiều lĩnh vực: Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát ở mức thấp; các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản bảo đảm; nợ công giảm. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng hoàn thiện, đầy đủ hơn. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa được triển khai hiệu quả, đưa quan hệ đối ngoại ngày càng đi vào chiều sâu, nâng cao uy tín, vị thế của đất nước trong khu vực và thế giới.

Đặc biệt, hai năm cuối nhiệm kỳ, triển khai thực hiện nhiều quyết sách chiến lược mang tính cách mạng, có ý nghĩa lịch sử, đột phá, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả cao, nổi bật là thực hiện cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và ban hành các nghị quyết trụ cột đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn,... cùng với đó là việc chỉ đạo tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ở các dự án tồn đọng kéo dài, đồng thời đẩy nhanh tiến độ các công trình, hạ tầng trọng điểm như đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao, điện hạt nhân,... tạo nền tảng tăng trưởng hai con số cho nhiệm kỳ sau. Công tác an sinh xã hội được chú trọng như miễn học phí cho học sinh từ mầm non đến Trung học phổ thông công lập trên phạm vi cả nước; cơ bản hoàn thành xóa nhà tạm, nhà dột nát, xây dựng nhà ở xã hội; chủ động, kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai, biến đổi khí hậu. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai quyết liệt, toàn diện, đạt nhiều kết quả quan trọng, được Nhân dân đồng tình, hưởng ứng và tin tưởng. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân tiếp tục được cải thiện và không ngừng nâng lên. Việt Nam tiếp tục được đánh giá là điểm sáng về an toàn và ổn định xã hội, chính trị và triển vọng phát triển.

Những kết quả nổi bật đạt được trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng và bản lĩnh, trí tuệ Việt Nam. Thành tựu của đất nước sau 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới tạo nền tảng vững chắc, tiềm lực, uy tín quốc tế để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, phấn đấu đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trở thành nước phát triển có thu nhập cao, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

II. NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA ĐẤT NƯỚC TRONG 5 NĂM 2021-2025

1. Phát triển Kinh tế

1.1. Hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Giai đoạn 2021 - 2025, tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, đột phá chiến lược, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đạt được thành tựu nổi bật: hoàn thiện pháp luật, tạo đột phá, đổi mới công tác xây dựng thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, ban hành nhiều quyết sách mang tính “xoay chuyển tình thế, chuyển đổi trạng thái, thích ứng với hoàn cảnh” và “biến nguy thành cơ” theo tinh thần Nghị quyết số 66 - NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị; rà soát, điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi cơ sở pháp lý còn thiếu, thừa để tháo gỡ điểm nghẽn, bất cập trong thực thi, khơi thông dòng chảy phát triển kinh tế - xã hội; loại bỏ tư duy trì trệ, thiếu trách nhiệm “không

quân được thì cấm”, kiến tạo sự phát triển trên không gian số, thể chế hóa đầy đủ quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân¹,... bảo đảm quyền lợi, lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp²; các yếu tố thị trường, quy luật thị trường đã phát huy vai trò tích cực trong phân bổ nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế; các loại thị trường được hình thành đồng bộ, phát triển gắn với thị trường thế giới và khu vực; thị trường mới hình thành, phát triển (thị trường tín chỉ các - bon, tài chính xanh, năng lượng xanh...); loại bỏ chông chéo về thủ tục hành chính trong đầu tư kinh doanh; chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh đã được cải thiện, xếp hạng môi trường kinh doanh toàn cầu Việt Nam được nâng lên (theo EIU tăng 12 bậc, theo Heritage Foundation chỉ số Tự do kinh tế Việt Nam đứng thứ 72). Phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan Trung ương và chính quyền địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương được đẩy mạnh (phân quyền giữa cơ quan Trung ương cho cấp tỉnh, cấp tỉnh phân cấp, phân quyền cho cấp xã) như cơ chế, chính sách đầu tư, bảo vệ môi trường, đất đai, quy hoạch giao thông, tài chính,... và thí điểm thực hiện cơ chế đặc thù, phân cấp cho một số địa phương³.

Hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán được đẩy mạnh, tập trung vào những lĩnh vực trọng yếu dễ phát sinh tiêu cực; coi trọng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm cơ bản đáp ứng yêu cầu của người dân, doanh nghiệp.

1.2. Kinh tế vĩ mô và kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược

- Tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức khá cao so với khu vực và thế giới: Quy mô GDP năm 2020 đạt 346 tỷ USD, xếp thứ 37 thế giới, năm 2025 đạt hơn 514 tỷ USD, xếp thứ 32 thế giới và thứ 4 trong khu vực ASEAN. GDP bình quân đầu người gấp 1,4 lần, tăng từ 3.552 USD lên hơn 5.000 USD, đưa Việt Nam vào nhóm nước có thu nhập trung bình cao. Năm 2020, thu nhập quốc dân (GNI) bình quân đầu người đạt 3.400 USD, năm 2024 tăng lên 4.490 USD, gần với mức thu nhập trung bình cao; năm 2025 đạt 4.750 USD; tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 6,3% năm; giai đoạn 2021 - 2025 có 22/26 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch. Năm 2024 - 2025 đạt và vượt toàn bộ 15/15 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu. Tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 8,02%, được nhiều tổ chức quốc tế đánh giá cao tinh thần chủ động trong chỉ đạo, điều hành linh hoạt về phát triển kinh tế của Việt Nam.

- Kinh tế vĩ mô được giữ ổn định trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động, thể hiện rõ sức chống chịu của nền kinh tế; giai đoạn 2021 - 2025, lạm phát được kiểm soát (duy trì dưới 3,6%, riêng năm 2025 khoảng 3,3%); các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm, nợ công và bội chi ngân sách duy trì trong ngưỡng an toàn, củng cố

¹ Bổ sung, sửa đổi Luật Đất đai (sửa đổi); Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi); Luật Nhà ở (sửa đổi); Luật phòng, chống rửa tiền (sửa đổi); Luật các tổ chức tín dụng (sửa đổi); Luật Đấu thầu; Luật giá....

² Quốc hội khóa XV đã tổ chức họp 9 kỳ họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp thiết, tồn tại trong thực tiễn. Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành trên 180 luật, pháp lệnh, nghị quyết; ban hành 820 nghị định

³ Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Nghệ An, Thanh Hóa, Khánh Hòa,...

ổn định trung hạn; chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác được phối hợp đồng bộ, hài hòa, linh hoạt, hiệu quả; tập trung đẩy mạnh đầu tư công có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải: (1) Chỉ số tiêu dùng CPI bình quân năm 2021 tăng 1,84%; năm 2022 tăng 3,15%; năm 2023 tăng 3,25%; năm 2024 tăng khoảng 4-4,5%; năm 2025 tăng 3,31%; (2) Quy mô xuất nhập khẩu hàng hóa tăng lên và đạt kết quả cao, năm 2025 đạt khoảng 850 tỷ USD, thuộc nhóm 20 quốc gia dẫn đầu thế giới; cơ cấu hàng xuất khẩu gia tăng, trong đó giảm hàm lượng xuất khẩu thô, tăng xuất sản phẩm chế biến, sản phẩm công nghiệp, thúc đẩy cho hàng hóa Việt Nam tham gia sâu vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu; nhóm hàng công nghiệp chế biến chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu xuất khẩu (năm 2021, 2022 chiếm khoảng 89,5% tổng kim ngạch xuất khẩu; năm 2023 chiếm 88,3%; năm 2024 chiếm 88%; năm 2025 ước chiếm 88,6%). Kim ngạch xuất, nhập khẩu có xu hướng tăng lên; năm 2020 đạt 545,1 tỷ USD (xuất siêu 19,7 tỷ USD); năm 2021 đạt 635,3 tỷ USD (xuất siêu 35,7 tỷ USD); năm 2022 đạt 730,2 tỷ USD (xuất siêu 12,4 tỷ USD); năm 2023 đạt 683 tỷ USD (xuất siêu 28 tỷ USD); năm 2024 đạt 786,29 tỷ USD (xuất siêu 24,2 tỷ USD); năm 2025 đạt 930 tỷ USD (xuất siêu 2,1 tỷ USD). Nhập khẩu hàng hóa được kiểm soát tốt, chủ yếu nhập nhóm hàng hóa phục vụ xuất khẩu và hàng thiết yếu luôn chiếm 90%; thị trường xuất khẩu gia tăng, tăng cường khai thác thị trường truyền thống, tích cực mở rộng thị trường mới, tiềm năng và tận dụng hiệu quả các FTA thế hệ mới, chuỗi cung ứng hàng hóa của Việt Nam ngày càng đa dạng, phong phú, bền vững; hàng hóa của Việt Nam đã tiếp cận hầu hết các thị trường trên thế giới, nâng cao khả năng cạnh tranh, nhất là những thị trường yêu cầu cao về chất lượng như: EU, Mỹ, Nhật, Úc,... đẩy mạnh chuyển đổi sản xuất về tiêu chuẩn mới xanh hóa, giảm phát thải các-bon, ESG, phù hợp yêu cầu của thị trường lớn; tiếp tục đẩy mạnh phòng vệ thương mại, cảnh báo sớm giúp doanh nghiệp không bị áp thuế phòng vệ thương mại hoặc bị áp mức thấp; cân cân thương mại duy trì xuất siêu lớn, bảo đảm cân cân thanh toán hỗ trợ cân đối cung cầu ngoại tệ; (3) Thương mại trong nước được cải thiện, phục hồi nhanh, phát triển bền vững thị trường nội địa, thúc đẩy tiêu dùng, đẩy mạnh Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam; tăng cường xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức hội chợ, triển lãm bài bản, hiệu quả; chủ động triệt phá, truy quét các vụ án buôn lậu, sản xuất hàng giả,... có tháng cao điểm đã bắt giữ, xử lý trên 10,4 nghìn vụ việc, thu nộp ngân sách Nhà nước gần 1.300 tỷ đồng, củng cố niềm tin người tiêu dùng và bảo vệ các doanh nghiệp sản xuất trong nước; đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến du lịch; (4) Giai đoạn 2021 - 2025 thu ngân sách nhà nước ước đạt 9,6 triệu tỷ đồng, gấp 1,36 lần giai đoạn 2016 - 2020, vượt mục tiêu đề ra 8,3 triệu tỷ đồng; cân đối ngân sách nhà nước được bảo đảm, chú trọng triển khai các chính sách giảm, giãn, hoãn, gia hạn các loại thuế, phí hỗ trợ người dân, doanh nghiệp (9 tháng năm 2025 đã giảm, gia hạn thuế, phí,.. khoảng 200 nghìn tỷ đồng để hỗ trợ sản xuất, kinh doanh); tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, đồng thời thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tuân thủ pháp luật thuế. Tỷ lệ huy động ngân sách nhà nước đạt khoảng 18,3% GDP; nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài và bội chi ngân sách nhà nước được kiểm soát tốt. Năm 2025, tổ chức xếp hạng

tín nhiệm Fitch Ratings xếp hạng tín nhiệm Việt Nam ở mức BB+, triển vọng “Ổn định”, tổ chức Moody's xếp hạng Việt Nam ở mức Ba2, triển vọng “Ổn định”.

- Các công cụ chính sách tiền tệ được điều hành đồng bộ, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa, góp phần ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, kiểm soát lạm phát theo mục tiêu, cung ứng vốn cho quá trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Điều hành lãi suất linh hoạt, thận trọng phối hợp hài hòa, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ,... tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp, tiết giảm chi phí, chuyển đổi số,... để lãi suất cho vay có xu hướng giảm. Điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp với thị trường trong nước và ngoài nước, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Điều hành tăng trưởng tín dụng an toàn, hợp lý, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế, coi trọng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đồng thời kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Tăng cường các giải pháp tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận tín dụng ngân hàng, kết nối ngân hàng - doanh nghiệp có nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, tín dụng ưu đãi đối với người nghèo, đối tượng chính sách⁴,... đặc biệt tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng từ thiên tai, lũ, lụt, dịch bệnh.

1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại các ngành sản xuất và dịch vụ

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng trưởng xanh, phát triển bền vững đạt kết quả tích cực. Năm 2025, tỷ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ tăng lên 80,5% GDP (năm 2020 đạt 78,6%); khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 12,7% xuống 11,67%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 8,0% GDP. Các ngành sản xuất và dịch vụ bước đầu cơ cấu lại theo hướng số hóa, xanh hóa, đa dạng hóa, tăng cường sức chống chịu, nâng cấp chuỗi giá trị dựa trên nền khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; kinh tế số thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững, tỷ trọng tăng thêm chiếm khoảng 14% GDP năm 2025; tỷ lệ người dân trưởng thành có tài khoản chiếm trên 87%, vượt chỉ tiêu đề ra 80%, thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng mở rộng.

- Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng bình quân 6,6%/ năm; công nghiệp được cơ cấu lại theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng từ 23,9% năm 2020 lên khoảng 25% năm 2025; giá trị tăng thêm công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân đầu người khoảng 1.250 USD). Nhóm hàng công nghiệp có kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD (điện tử, máy tính, linh kiện, phụ tùng, hàng dệt may,... thuộc nhóm dẫn đầu khu vực và thế giới. Công nghiệp năng lượng tăng trưởng khả; tỷ trọng điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối trong tổng sản lượng điện của hệ thống tăng từ 4,9% năm 2020 lên 15% năm 2025. Diện tích khu công nghiệp tăng từ 117,3 nghìn ha năm 2020 lên 140 nghìn ha năm 2025 (năm 2020 thành lập

⁴ Chương trình tín dụng 500.000 tỷ đồng cho doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, công nghệ số; Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực nông, lâm, thủy sản được mở rộng đối tượng, nâng quy mô từ 15.000 tỷ đồng lên 185.000 tỷ đồng; Chương trình cho vay liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo chất lượng cao.

380 khu công nghiệp, năm 2023 thành lập 422 khu công nghiệp), hình thành hai vùng công nghiệp lớn của cả nước là Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Hồng.

- Cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực như giáo dục, y tế, ngân hàng, thương mại, bảo hiểm, vận tải,... Áp dụng chuẩn mực quốc tế cho các hoạt động kế toán, kiểm toán, ngân hàng thương mại,... hạ tầng dịch vụ logistics tiếp tục được đẩy mạnh xây dựng (hiện nay có 8 trung tâm logistics, 11 cảng cạn, 16 điểm thông quan hàng hóa,...); thương mại điện tử trở thành kênh phân phối quan trọng (doanh thu 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 10,3 tỷ USD, tăng 25% so với cùng kỳ, chiếm 8% doanh thu hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng). Du lịch phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid - 19, năm 2025 đón 21,5 triệu lượt khách quốc tế.

- Nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò trụ đỡ, đáp ứng nhu cầu lương thực, an toàn thực phẩm, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu. Nhóm 13 sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia⁵; chủ lực cấp tỉnh và sản phẩm đặc sản địa phương OCOP từng bước được nâng cao chất lượng (công nhận 13.368 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên với 7.425 chủ thể tham gia,...); tỷ trọng sản phẩm chất lượng cao, qua chế biến tăng nhanh (thủy sản, rau, hoa quả, cây công nghiệp giá trị cao, đồ gỗ và nông lâm đặc sản); có 11 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, trong đó 7 nhóm mặt hàng trên 3 tỷ USD (gạo, rau quả, cà phê,...); xuất khẩu nông sản Việt Nam đứng thứ 15 thế giới, thứ 2 Đông Nam Á và có mặt trên 200 quốc gia, nhiều loại nông sản Việt Nam thuộc nhóm dẫn đầu thế giới. Hiện nay, cả nước có 8.000 cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản quy mô công nghiệp gắn với xuất khẩu, có gần 22.000 cơ sở chế biến nhỏ lẻ. Tỷ lệ nông sản chế biến xuất khẩu chiếm tới 45% tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản. Nâng cao hiệu quả khai thác hải sản đánh bắt xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia. Các mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao được phát triển, lực lượng doanh nghiệp nông nghiệp tăng mạnh.

- Cơ cấu lại các lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế: (1) tập trung sửa đổi, hoàn thiện, thể chế, pháp luật theo hướng phân cấp, phân quyền cho cơ sở, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân đầu tư công, phục hồi tăng trưởng kinh tế; thực hiện kế hoạch đầu tư công quyết liệt, hiệu quả, khắc phục tình trạng trì trệ, dàn trải, phân tán. Tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng, vận hành hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công, bảo đảm công khai, minh bạch. Hệ thống các cơ chế, chính sách về sắp xếp, đổi mới cơ cấu và nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước tiếp tục hoàn thiện⁶,... kiên quyết xử lý các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả, doanh nghiệp thua lỗ kéo dài. Cổ phần hóa doanh nghiệp được coi trọng triển khai, hoạt động hiệu quả của doanh nghiệp nhà

⁵ Gạo, cà phê, cao su, điều, hồ tiêu, chè, rau quả, sắn và sản phẩm từ sắn, thịt lợn, thịt và trứng gia cầm, cá tra, tôm, gỗ và sản phẩm từ gỗ

⁶ Quốc hội khóa XV đã sửa đổi, ban hành các Luật Đầu tư công, Luật nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Doanh nghiệp.

nước; (2) Khu vực kinh tế tư nhân (doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) phát triển năng động với số lượng doanh nghiệp ngày càng tăng, đóng góp khoảng 51% GDP, trên 30% thu ngân sách, sử dụng 82% lao động. Năm 2025, kinh tế tư nhân có bước đổi mới mạnh mẽ, theo hướng phát triển là một động lực quan trọng của nền kinh tế (theo Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị). Hình thành một số doanh nghiệp tư nhân có quy mô hoạt động lớn, đa ngành, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế và thu hút được một số doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; (3) cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng theo hướng hoàn thiện thể chế, hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn, áp dụng chuẩn mực quốc tế⁷, giữ vững ổn định, an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng, mạng lưới phân phối sản phẩm dịch vụ ngân hàng phát triển nhanh, hiện đại, phủ rộng. Tập trung xử lý nợ xấu, ngăn chặn tình trạng sở hữu chéo, thao túng, chi phối hoạt động ngân hàng của các tổ chức tín dụng; tích cực xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, cơ cấu lại các ngân hàng trong diện kiểm soát đặc biệt, đồng thời tăng cường công tác thanh tra, giám sát; (4) thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới, phát triển kinh tế số và tập trung chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh giai đoạn 2026-2030, phát triển kinh tế xanh trong nhiều lĩnh vực; chú trọng hoàn thiện các chính sách về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường, quyết tâm thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” năm 2050.

1.4. Tập trung nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng, các công trình hạ tầng giao thông quan trọng quốc gia, đường bộ cao tốc, đường ven biển, liên vùng...
đầu tư xây dựng nhiều công trình giao thông quan trọng, quy mô lớn, hiện đại được đưa vào khai thác hiệu quả, bảo đảm kết nối các trung tâm kinh tế lớn, các vùng miền trên cả nước và giao thương quốc tế, góp phần xây dựng diện mạo mới, khang trang cho đất nước. Hoàn thành trên 3.000 km đường bộ cao tốc và 1.700 km đường ven biển; thực hiện xây dựng các tuyến vành đai và đường sắt đô thị (tuyến Cát Linh - Hà Đông; Nhôn - ga Hà Nội; tuyến Bến Thành - Suối Tiên). Đầu tư xây dựng các Cảng biển, cảng hàng không, thủy lợi, phòng chống thiên tai,... như Cảng hàng không Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Điện Biên, Phú Bài, Cát Bi và cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện, Cái Mép - Thị Vải,... Đường sắt tập trung cải tạo, nâng cấp các điểm nghẽn kỹ thuật, đồng thời triển khai thực hiện các dự án lớn, như đường sắt cao tốc trục Bắc - Nam, đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng,... tạo liên kết vùng, phát triển đô thị và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tập trung đầu tư hạ tầng phát điện và truyền tải điện, hoàn thành nhiều công trình lớn (trên 1.000MW), bổ sung năng lực cho hệ thống năng lượng quốc gia, chú trọng phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án, công trình quan trọng đi vào vận hành (dự án nhà máy điện Sông Hậu 1, nhà máy điện Thái Bình 2, nhà máy điện BOT Vân Phong...). Đặc biệt, hoàn thành vượt tiến độ các dự án đường dây 500KV

⁷ Luật phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

Quảng Bình - Hưng Yên, đường dây 500 KV Lào Cai - Vĩnh Yên; hoàn thành một số công trình thủy lợi lớn, đưa vào sử dụng như hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé (Kiên Giang), hồ Bản Mòng (Nghệ An). Đẩy mạnh đầu tư, phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng số theo hướng hiện đại hóa và đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia (phủ sóng 4G đạt 99,8%; 100% xã, phường có hạ tầng băng rộng cáp quang,...); hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia được hình thành (dữ liệu dân cư, đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm, cán bộ, công chức,...), từng bước được kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương; chú trọng đầu tư các công trình hạ tầng cho giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao.

1.5. Phát triển kinh tế vùng, kinh tế biển, đô thị và xây dựng nông thôn mới:

(1) Phát triển vùng, kinh tế - xã hội các vùng, liên vùng được đặc biệt quan tâm, từng bước xây dựng các hành lang kinh tế, vùng động lực, cực tăng trưởng nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế các vùng, địa phương. Cơ chế điều phối vùng được hoàn thiện hơn; vai trò của các hội đồng điều phối vùng được phát huy; liên kết vùng được đẩy mạnh. Nhiều dự án có quy mô vùng và có tính chất liên kết vùng được triển khai thực hiện. Công tác quy hoạch có bước đột phá, chất lượng quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành, vùng, các địa phương được nâng cao, bảo đảm tính liên kết và đồng bộ, tạo thêm các động lực tăng trưởng và không gian phát triển mới. Tập trung quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn, ưu tiên, lồng ghép các chính sách phát triển hạ tầng giao thông đô thị sử dụng điện năng lượng xanh, giao thông phi cơ giới; phát triển cân bằng giữa hạ tầng nông thôn và hạ tầng đô thị; (2) Phát triển kinh tế biển được thúc đẩy và đạt kết quả tích cực; hệ thống cảng biển, đường ven biển, hệ thống đê, kè biển, hạ tầng các đảo,... được quan tâm đầu tư; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ven biển và hải đảo được cải thiện. Nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản về biển đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác quản lý, khai thác sử dụng, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng lên tiếp tục được chú trọng. Đã ban hành cơ chế lấn biển tạo thêm không gian phát triển mới. Hình thành và phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch gắn với chuỗi đô thị ven biển; triển khai nghiên cứu, hình thành các khu thương mại tự do tại một số địa phương. Các lợi thế của biển được phát huy hiệu quả hơn, từng bước thực hiện mục tiêu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, bảo đảm an ninh, an toàn; (3) Phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới đã và đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống đô thị từng bước phát triển có trọng tâm, trọng điểm; chất lượng đô thị tiếp tục được nâng cao, bước đầu đã hình thành cực tăng trưởng kinh tế và trung tâm đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo tại các đô thị lớn. Hạ tầng đô thị được đầu tư và hoàn thiện theo hướng hiện đại, đồng bộ⁸.

⁸ Cả nước có khoảng 80% xã đạt chuẩn nông thôn mới, có 42,2% đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (vượt mục tiêu giai đoạn 2021-2025 là 40%) và 12,2% đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (vượt mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025 là 10%), bình quân cả nước đạt 17,5% tiêu chí/xã; 7/16 huyện nghèo đã ra khỏi danh sách huyện "trắng xã nông thôn mới, có trên 16,8 nghìn sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên với hơn 9 nghìn chủ thể OCOP, cơ cấu kinh tế, trình độ sản xuất và diện mạo khu vực nông thôn thay đổi rõ rệt

2. Văn hóa có sự chuyển biến mạnh mẽ, khẳng định vai trò quan trọng, là động lực nội sinh, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển bền vững đất nước. Thể chế chính sách và nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa được tăng cường. Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam được tập trung xây dựng và từng bước thực hiện mục tiêu xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc. Các hoạt động văn hóa, sản phẩm văn hóa, nghệ thuật ngày càng đa dạng, phong phú; công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa và thị trường văn hóa từng bước được phát triển; giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa của dân tộc được kế thừa, bảo tồn và phát huy; văn hóa trong chính trị, kinh tế được coi trọng. Các thiết chế văn hóa được quan tâm quy hoạch, đầu tư tại các địa phương, địa bàn đông dân cư, đô thị, đáp ứng nhu cầu của người dân, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền. Công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh, văn hóa các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt được kết quả tích cực. Hệ thống cơ sở thể dục, thể thao được đầu tư, xây dựng. Thể thao thành tích cao đạt được một số kết quả tích cực,... Việc phát hiện, thu hút, đào tạo, trọng dụng nhân tài bước đầu có chuyển biến tích cực. Chỉ số phát triển con người (HDI) được cải thiện rõ rệt, tăng 14 bậc, đạt 0,766 điểm, thuộc nhóm phát triển cao. Chỉ số hạnh phúc năm 2025 xếp thứ 46/143 quốc gia, tăng 33 bậc so với năm 2021.

Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; tích cực thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện kỷ niệm lớn của đất nước, như: kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ, 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh 2/9. Truyền thông, báo chí, xuất bản đã góp phần truyền tải ra thế giới những thông tin sinh động, đa chiều về đất nước, con người Việt Nam.

3. Giáo dục và Đào tạo đạt được một số kết quả quan trọng về đổi mới căn bản, toàn diện; tập trung đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông ở tất cả các cấp học trên phạm vi cả nước. Thực hiện đúng lộ trình về thẩm định, phê duyệt danh mục sách giáo khoa theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho tất cả các khối từ lớp 1 đến lớp 12, gồm cả sách giáo khoa đặc thù. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non, đổi mới phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. Nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, bảo đảm công bằng, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục. Chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý ngày càng được chú trọng, nâng cao; đào tạo nhân lực, gắn với nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo chuyên biến tích cực; hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng. Đặc biệt, đã thực hiện miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong hệ thống giáo dục quốc dân; triển khai xây dựng trường học nội trú liên cấp ở các xã biên giới đất liền, phấn đấu khởi công xây dựng 100 trường từ nguồn tiết kiệm chi; Nhà nước hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới,... Nhiều tỉnh, thành phố

thực hiện tốt chính sách hỗ trợ gạo, tiền, miễn giảm học phí; trao học bổng, tặng quà cho học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số vượt khó, học giỏi.

4. Y tế phát triển tích cực, chất lượng được nâng lên, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, là một trong những hình mẫu về phòng, chống dịch trong giai đoạn đầu và thực hiện quyết liệt, đưa ra nhiều giải pháp cụ thể để khống chế, đẩy lùi dịch bệnh, với phương châm “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả đại dịch Covid -19”. Bảo hiểm y tế và mạng lưới Y tế cơ sở phát triển rộng khắp, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95,2% năm 2025, Việt Nam được Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và Ngân hàng thế giới (WB) đánh giá có chỉ số bao phủ dịch vụ y tế thiết yếu đạt 68/100 điểm, cao hơn mức trung bình khu vực Đông Nam Á (62 điểm). Mạng lưới Y tế cơ sở mở rộng toàn bộ địa bàn xã, huyện; cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản và nhân lực được đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Hệ thống khám, chữa bệnh được quan tâm và phát triển đồng bộ, làm chủ công nghệ mới khám, chữa bệnh kỹ thuật cao như ghép tạng, ghép đa tạng trên cùng một người bệnh,... Trình độ chuyên môn và năng lực của đội ngũ bác sĩ, y tá, điều dưỡng có bước phát triển, vững chắc. Chú trọng chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong Y tế, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đi khám bệnh bảo hiểm y tế không phải mang theo giấy tờ. Tuổi thọ và chỉ số sức khỏe người dân bình quân của cả nước được cải thiện, năm 2025 tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh là 74,8 năm, số năm sống khỏe khoảng 67 năm, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

5. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiếp tục được xác định là một trong trụ cột, đột phá chiến lược, tạo động lực trung tâm cho phát triển nhanh, bền vững của đất nước; tập trung thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế số, xã hội số và kinh tế tri thức,... đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ; thúc đẩy đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân đầu tư tham gia nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, cổ vũ tinh thần khởi nghiệp và đẩy mạnh các hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực công nghệ cao, chiến lược. Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp và thị trường, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo đã đạt nhiều kết quả tích cực như thu hút dòng vốn đầu tư mạo hiểm vào Việt Nam (năm 2021 đạt khoảng 1,4 tỷ USD), Việt Nam xếp hạng thứ 55 thế giới, thứ 5 Đông Nam Á trên bản đồ hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu; tạo nền tảng cho các mô hình hợp tác công - tư, đầu tư mạo hiểm và chuyên gia công nghệ. Quản trị hệ sinh thái bằng dữ liệu và đánh giá, Việt Nam là một trong số ít quốc gia xây dựng được Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), được Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) đánh giá là mô hình tiên phong khu vực. Chuyển đổi số hướng tới mục tiêu “kinh tế số - xã hội số - công dân số”, tạo nền tảng vững chắc cho đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế sâu rộng. Kinh tế số (tốc độ tăng trưởng kinh tế số đạt 20%/năm, gấp 2,5 lần tăng trưởng GDP, quy mô kinh tế

số đạt 158 tỷ USD, chiếm 20,5% GDP, doanh thu công nghệ thông tin đạt 158 tỷ USD, thương mại điện tử tăng 26%/năm). Xã hội số (100% người dân có tài khoản định danh số VNeID, 87% doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia sàn thương mại điện tử, gần 24 triệu hộ gia đình có kết nối số, 37 triệu người dân học tập, làm việc trên nền tảng số).

6. An sinh xã hội ngày càng được bảo đảm, điểm tựa vững chắc, nâng cao đời sống Nhân dân, đặc biệt nhóm yếu thế, ưu tiên bố trí nguồn lực cho an sinh xã hội, phát triển con người, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt, nhất là ở khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; kiên trì mục tiêu phát triển bền vững “không để ai bị bỏ lại phía sau”; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm mạnh (từ 4,2% năm 2022 xuống còn 1,3% năm 2025), quan tâm chăm lo đời sống cho người có công, thân nhân người có công. Hệ thống chính sách an sinh xã hội được triển khai đồng bộ, chuyển từ “bảo đảm và ổn định” sang “ổn định và phát triển”; với tổng nguồn lực khoảng 1,1 triệu tỷ đồng; bao phủ các chính sách trợ giúp thường xuyên, trợ giúp đột xuất, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, hỗ trợ nhà ở, việc làm cho người yếu thế; số người hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên được mở rộng năm 2025 là trên 3,5 triệu người, trong đó trên 55% là người cao tuổi, bảo đảm 100% đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện để hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, 100% người dân bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt, thiếu đói được trợ giúp kịp thời. Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em được tăng cường, nhất là giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên được quan tâm. Công tác chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi tiếp tục được các ngành, các cấp quan tâm (95% người cao tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế). Bình đẳng giới ngày càng thực chất, đi vào chiều sâu, vai trò, địa vị của phụ nữ được cải thiện rõ rệt như phòng, chống bạo lực gia đình; chỉ số xếp hạng về bình đẳng giới của Việt Nam năm 2023 đứng thứ 72/146 quốc gia, tăng 15 bậc so với năm 2021.

Thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương. Công tác giải quyết việc làm cho người lao động được quan tâm, tỷ lệ thất nghiệp luôn ở mức thấp dưới 3%; đầu tư phát triển nhà ở xã hội, thành lập “Quỹ nhà ở xã hội quốc gia”, năm 2025 cơ bản xóa toàn bộ nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước.

Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường; ưu tiên nguồn lực đầu tư hỗ trợ cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và địa bàn đặc biệt khó khăn; đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào được cải thiện rõ rệt; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân được quan tâm, bảo đảm. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được đẩy mạnh, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững (SDG) đã đạt được những kết quả tích cực.

7. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống giảm nhẹ thiên tai được tăng cường, tập trung hoàn thiện chính sách, pháp luật về quy hoạch sử dụng đất quốc gia, Quốc hội ban hành nhiều văn bản pháp

luật quan trọng⁹, góp phần đồng bộ hệ thống pháp luật ngành, tháo gỡ các điểm nghẽn trong phát triển kinh tế; bố trí quỹ đất đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, bảo đảm kết nối không gian phát triển liên ngành, liên vùng, các hành lang kinh tế và các vùng động lực phát triển của quốc gia; giữ ổn định 3,5 triệu ha đất trồng lúa; bảo đảm tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42 - 43%. Công tác quản lý tài nguyên ngày càng chặt chẽ, thống nhất từ Trung ương đến cơ sở; tăng cường công tác điều tra cơ bản, quy hoạch, quản lý và khai thác tài nguyên, quan trắc, đánh giá, giám sát các nguồn tài nguyên được quy hoạch, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả; chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên tiếp tục được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước; tháo gỡ nhiều bất cập trong quy định về quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường; việc khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên ngày càng tiết kiệm và hợp lý. Công tác dự báo, cảnh báo thiên tai và bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, như độ tin cậy của bản tin dự báo, cảnh báo Khí tượng thủy văn ngày càng được nâng cao, thuộc nhóm các nước dẫn đầu Đông Nam Á và dần tiếp cận trình độ các nước tiên tiến. Quản lý chất thải và kiểm soát môi trường khu công nghiệp có nhiều tiến bộ, như kiểm soát môi trường các lưu vực sông, đô thị, làng nghề được quan tâm, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; bảo vệ phát triển nâng cao chất lượng rừng được chú trọng, nhất rừng đầu nguồn. Công tác bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, khu bảo tồn biển có nhiều tiến bộ. Các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh được thúc đẩy phát triển, năm 2024 tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt khoảng 88%, tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại đạt khoảng 90%, tỷ lệ dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh của cư dân thành thị và nông thôn đạt lần lượt 99,0% và 97,5%, tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn là 92,0%. Công tác phòng, chống thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển và bảo vệ, phát triển tài nguyên nước, ứng phó với các thách thức về nguồn nước xuyên biên giới được quan tâm, chỉ đạo sâu sát. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo để bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu,

8. Quốc phòng và an ninh không ngừng được củng cố, tăng cường và giữ vững. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, tăng cường vững mạnh cả về tiềm lực, lực lượng và thể trận. Nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân ngày càng được củng cố, gắn kết chặt chẽ với thể trận lòng dân vững chắc, nhất là các địa bàn chiến lược trọng điểm, tuyến biên giới, hải đảo.

Tập trung đầu tư, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; cơ bản hoàn thành điều chỉnh Quân đội, Công an

⁹ Luật Đất đai, Nghị quyết số 254/2025/QH15, ngày 11/12/2025 về Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai....

tin gọn, mạnh, lấy xây dựng vững mạnh về chính trị làm cơ sở, nâng cao chất lượng tổng hợp trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức mạnh chiến đấu đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Toàn quân duy trì sẵn sàng chiến đấu, quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa và không gian mạng, xử lý linh hoạt, hiệu quả các tình huống, không để bị động, bất ngờ, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của ta tại các vùng biển phù hợp với luật pháp quốc tế. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, chất lượng ngày càng cao; dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp ở các ngành, địa phương, nhất là khu vực biển, đảo và các địa bàn chiến lược, trọng điểm. Làm chủ một số công nghệ nền, công nghệ lõi, nghiên cứu thiết kế, chế tạo, sản xuất thành công nhiều chủng loại vũ khí, trang bị kỹ thuật hiện đại, có ý nghĩa chiến lược.

Bảo đảm an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; đấu tranh phòng chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ nhiều biện pháp để giảm tội phạm (năm 2025 tội phạm về trật tự xã hội giảm trên 24%), xử lý kịp thời gốc rễ các vấn đề phức tạp về tội phạm và vi phạm pháp luật, nhất là các loại tội phạm hình sự nguy hiểm, tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia. Chủ động phòng, ngừa, ứng phó, giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống và thực hiện nghĩa vụ quốc tế.

Thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân được xây dựng, củng cố ngày càng vững chắc, kết hợp thế trận quốc phòng với thế trận an ninh nhân dân được triển khai thực hiện đồng bộ, có bước phát triển mới và đạt nhiều kết quả. Kết hợp có hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Phòng thủ dân sự, khắc phục hậu quả chiến tranh, ứng phó thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, phòng, chống cháy nổ, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ được tăng cường. Hình ảnh, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, “Người chiến sĩ Công an” được tỏa sáng trong các hoạt động phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, bảo vệ tính mạng và tài sản của Nhân dân, nhất là “Chiến dịch Quang Trung”, xây dựng, sửa chữa nhà ở cho người dân miền Trung bị thiệt hại từ bão, lũ vừa qua.

9. Đối ngoại và hội nhập quốc tế đã phát huy tích cực và đạt nhiều kết quả nổi bật như công tác đối ngoại của Đảng được coi trọng, triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả, mở rộng và làm sâu sắc quan hệ với các đối tác, trọng tâm là các nước láng giềng, các nước lớn và bạn bè truyền thống; nâng cấp, nâng tầm quan hệ với các đối tác chủ chốt, đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 nước, trong đó quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 14 nước, đối tác chiến lược với 14 nước, đối tác toàn diện với 14 nước. Các đảng, các nước đều tuyên bố, cam kết tôn trọng thể chế chính trị của Việt Nam, nhận thức rõ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hệ thống chính trị và bày tỏ nguyện vọng muốn mở rộng, tăng cường quan hệ song phương và đa phương.

Đôi ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đôi ngoại Nhân dân được triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất, phát huy vai trò trụ cột, mở rộng quan hệ sâu sắc với các đối tác, chính đảng cầm quyền, quan hệ sâu sắc với các nước trong khu vực, láng giềng, các nước lớn, bạn bè truyền thống. Đảng ta có quan hệ với 253 chính đảng ở 115 quốc gia, quan hệ với các đảng cầm quyền, các đảng tham chính cũng như các đảng cộng sản, công nhân quốc tế, vai trò vị thế của Đảng Cộng sản Việt Nam tại các diễn đàn đa phương chính đảng tiếp tục được phát huy và nâng cao. Ngoại giao nhà nước, đôi ngoại Quốc hội phát huy vai trò tích cực thông qua các hoạt động nghị viện song phương và đa phương. Đôi ngoại quốc phòng, an ninh được triển khai toàn diện, cân bằng, góp phần xây dựng và nâng cao lòng tin chiến lược với các nước. Đôi ngoại Công an nhân dân góp phần tăng cường sự đồng thuận, ủng hộ của bạn bè quốc tế trong đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và tham gia trong hoạt động gìn giữ hòa bình, mở rộng ra hoạt động cứu nạn, cứu hộ quốc tế. Đôi ngoại nhân dân được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nhân dân triển khai thực hiện hiệu quả, góp phần củng cố tinh thần đoàn kết quốc tế, chia sẻ, tạo thuận lợi cho quan hệ đối ngoại với các nước, góp phần thúc đẩy hòa hợp, hòa giải dân tộc, khẳng định dân tộc Việt Nam có lòng nhân ái, vị tha, đã vượt qua những nỗi đau của chiến tranh, gác lại quá khứ, hướng tới tương lai, cùng hợp tác vì hòa bình, vì an ninh và ổn định khu vực và thế giới,... Ngoại giao Việt Nam thực hiện chính sách nhất quán, độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ và có nhiều đóng góp tích cực vào hòa bình, phát triển của khu vực và thế giới. Phối hợp chặt chẽ với các đối tác quốc tế nhận diện rõ nguy cơ thách thức an ninh phi truyền thống, chia sẻ thông tin, cảnh báo sớm và xử lý các vấn đề xuyên biên giới. Phát huy lợi thế các phương thức ngoại giao, hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, ngoại giao kinh tế đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, động lực cho xây dựng và phát triển đất nước.

Ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại và công tác người Việt Nam ở nước ngoài được triển khai đồng bộ, đạt kết quả tích cực, tổ chức nhiều hoạt động phong phú, góp phần tăng cường hợp tác hữu nghị, tin cậy lẫn nhau với các đối tác, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và triển khai thực hiện nhiều hoạt động quảng bá thương hiệu quốc gia. Công tác người Việt Nam ở nước ngoài triển khai bài bản, hiệu quả cao, với tinh thần chủ đạo là hòa hợp dân tộc, chăm lo, hỗ trợ kiều bào và huy động nguồn lực kiều bào cho sự phát triển đất nước, phát huy tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc.

10. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo và vận hành theo cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”. Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng được triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả, tập trung rà soát hệ thống pháp luật, loại bỏ các quy định chồng chéo, không phù hợp, gây cản trở cho sự phát triển; hoàn thiện pháp luật đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, phù hợp, khả thi. Phương thức quản lý nhà nước đã từng bước điều chỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước và thông lệ quốc tế.

Công tác tổ chức thực hiện pháp luật có nhiều chuyên biến tích cực; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên.

Triển khai thực hiện quyết liệt cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương để nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, phân cấp, phân quyền, mở rộng không gian phát triển, gần dân, tiết kiệm chi thường xuyên. Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập đã có nhiều chuyên biến tích cực.

Bước đầu đã thực hiện cải cách chế độ tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức; tập trung thực hiện đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính, hướng tới xây dựng Chính phủ số; thực hiện cắt giảm hơn 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính (năm 2025); bãi bỏ hơn 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết; giảm hơn 30% chi phí tuân thủ pháp luật, trong đó các thủ tục liên quan đến doanh nghiệp thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch và hiệu quả; các thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

11. Chính trị ổn định, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, quyết liệt đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

11.1. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

Trong 5 năm qua, công tác xây dựng Đảng được triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt cả về “xây” và “chống”, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Đảng ta luôn giữ vững bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thực hiện tốt 10 nhiệm vụ về xây dựng Đảng, 3 nhiệm vụ trọng tâm và 3 giải pháp đột phá của Đại hội XIII đề ra.

- *Công tác xây dựng Đảng về chính trị được chú trọng*, góp phần nâng cao bản lĩnh, tính tiên phong, năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; kiên định, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng. Bản lĩnh chính trị, tư duy, trí tuệ, năng lực lãnh đạo, cầm quyền, vị thế, sức chiến đấu của Đảng ngày càng được nâng lên, vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức. Năng lực dự báo, hoạch định đường lối, chủ trương, định hướng chiến lược của Đảng tiếp tục được đổi mới, hoàn thiện; kịp thời ban hành các quyết sách đúng đắn, sáng tạo; các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể, đồng bộ thích ứng nhanh với tình hình thực tiễn của đất nước.

- *Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng Đảng về tư tưởng* ngày càng đi vào chiều sâu, góp phần nâng cao nhận thức, tăng cường đoàn kết, thống nhất cao trong Đảng, trong hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, sự đồng thuận trong

xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận được chú trọng; hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được bổ sung, phát triển. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có bước chuyển biến rõ rệt, nhất là việc triển khai đấu tranh trên không gian mạng được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đạt kết quả. Chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền được coi trọng, đổi mới chất lượng, hiệu quả; công tác lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan báo chí, xuất bản và công tác văn hóa, văn nghệ có chuyển biến tích cực. Việc nghiên cứu, quán triệt, học tập Nghị quyết của Đảng tập trung đổi mới triển khai đồng bộ, hiệu quả từ Trung ương xuống cơ sở; công tác dự báo, nắm tình hình tư tưởng, xử lý thông tin, định hướng dư luận xã hội thực hiện kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị có nhiều chuyển biến tích cực, đổi mới về nội dung và phương pháp triển khai.

- *Công tác xây dựng Đảng về đạo đức được đề cao*, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và ban hành các văn bản quan trọng¹⁰, cấp ủy các cấp, tổ chức đảng tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, qua đó nâng cao năng lực lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Việc giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng được tiến hành thường xuyên gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và gắn với thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; cán bộ, đảng viên nêu cao tính tiên phong, gương mẫu, danh dự. Việc biểu dương nhân rộng điển hình tiên tiến, kiên quyết đấu tranh với hành vi vi phạm đạo đức, lối sống được chú trọng; phần lớn cấp ủy, người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định về trách nhiệm nêu gương, kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII, Kết luận Trung ương 4 khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

- *Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị*, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo với quyết tâm chính trị cao nhất để triển khai thực hiện thành công cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị; các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương thực hiện quyết liệt, với cách làm mới, khẩn trương, đồng bộ, dân chủ, khoa học, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, giữ vững nguyên tắc, đúng quy định, kiên định, kiên trì các mục tiêu đề ra. Hệ thống tổ chức và các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương được sắp xếp, đồng bộ, tinh gọn; kết thúc hoạt động các đảng đoàn, ban cán sự đảng, lập các đảng bộ mới ở Trung ương và cấp

¹⁰ Kết luận số 21 - KL/TW ngày 25/10/2021 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị: kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; Quy định số 37 - QĐ/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm; Quy định số 144 - QĐ/TW ngày 9/5/2024 của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới

tin; giảm nhiều cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương, tỉnh, huyện và đầu mối bên trong. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, tổ chức được rà soát, điều chỉnh, bổ sung rõ ràng hơn, cơ bản khắc phục sự chồng chéo, loại bỏ khâu trung gian, có sự chuyển biến tích cực được Nhân dân đồng tình, ủng hộ và bạn bè quốc tế đánh giá cao. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị tác động từ thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế được quan tâm, giải quyết thỏa đáng. Kết quả cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị là chủ trương đúng, trúng, phù hợp với thực tiễn phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- *Triển khai mạnh mẽ, quyết liệt, toàn diện và đồng bộ công tác xây dựng Đảng về tổ chức* ngày càng đi vào chiều sâu và chuyển biến tích cực hơn; tổ chức cơ sở đảng được rà soát, kiện toàn đồng bộ với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập. Chức năng, nhiệm vụ của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng được bổ sung, sửa đổi kịp thời; sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt Chi bộ được đổi mới về nội dung và hình thức. Việc đánh giá xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên đi vào thực chất, khách quan, thiết thực hơn, từng bước khắc phục tình trạng bệnh thành tích. Đội ngũ cấp ủy viên thường xuyên được củng cố, kiện toàn, nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo. Chất lượng đội ngũ đảng viên được nâng cao. Công tác phát triển đảng viên trong các doanh nghiệp tư nhân và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, biên giới, hải đảo được tăng cường, cơ bản xóa được tình trạng “trắng” đảng viên ở thôn, bản. Công tác quản lý, rà soát, sàng lọc đảng viên được thực hiện ngày càng nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy định. Kịp thời biểu dương các đồng chí Bí thư chi bộ xuất sắc, tiêu biểu. Tiến hành đổi thẻ đảng viên trong toàn Đảng, đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ và nâng cao hiệu quả công tác quản lý đảng viên.

- *Công tác xây dựng Đảng về cán bộ ngày càng khẳng định vai trò, trách nhiệm*, có nhiều đổi mới, hiệu quả, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp từng bước trưởng thành và thực chất hơn. Ban hành nhiều chủ trương và sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế về công tác cán bộ bảo đảm dân chủ, khách quan, minh bạch và chặt chẽ, đúng nguyên tắc, đánh giá cán bộ ngày càng thực chất, khách quan, thực chất hơn, gắn đánh giá phẩm chất, năng lực, uy tín của cán bộ với chức trách nhiệm vụ được giao. Chất lượng quy hoạch cán bộ được nâng lên, lấy quy hoạch cán bộ cấp dưới làm căn cứ xây dựng quy hoạch cấp trên, gắn xây dựng quy hoạch với công tác đánh giá cán bộ. Công tác luân chuyển cán bộ có nhiều đổi mới, đạt kết quả tích cực. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên từng bước được đổi mới nội dung, hình thức, bám sát yêu cầu nhiệm vụ. Các chế độ chính sách cán bộ được thực hiện kịp thời và đầy đủ; khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Tuyển chọn, bố trí, sử dụng và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp có nhiều đổi mới, đồng bộ. Công tác quản lý cán bộ ngày càng đi vào nề nếp, chặt chẽ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương. Việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ được các cấp ủy chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc, tạo chuyển biến bước đầu trong văn hóa từ chức.

Xử lý nghiêm, đồng bộ giữa kỷ luật của Đảng với xử lý bằng pháp luật đối với cán bộ vi phạm, kể cả cán bộ chuyên công tác hoặc nghỉ hưu. Nhiệm kỳ XIII, đã xử lý nghiêm minh nhiều cán bộ lãnh đạo cấp cao vi phạm kỷ luật của Đảng và kịp thời kiện toàn nhân sự thay thế các chức danh lãnh đạo cấp cao, góp phần làm cho Đảng ta đoàn kết hơn, vững mạnh hơn, trong sạch hơn, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân với Đảng, Nhà nước. Đa số cán bộ, đảng viên hiện nay có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống giản dị, đóng góp vào sự thành công của công cuộc đổi mới của đất nước. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đạt nhiều kết quả.

- *Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, thiết thực, góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng; chất lượng, hiệu lực, hiệu quả kiểm tra, giám sát được nâng lên và đạt kết quả nổi bật, khá toàn diện, có bước đột phá, góp phần quan trọng vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Hệ thống thể chế và kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng được sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời, đồng bộ, thống nhất và chặt chẽ hơn. Chủ động mở rộng đối tượng kiểm tra, bảo đảm không có vùng cấm, không có ngoại lệ; nhiều vụ việc phức tạp, tồn đọng, kéo dài, thu hút sự quan tâm của dư luận được xử lý kịp thời, nghiêm minh, dứt điểm; nhiều vụ việc mới phát sinh được kiểm tra, kết luận, xử lý kịp thời. Các cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc kê khai, công khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập nhằm phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Công tác phối hợp kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án ngày càng chặt chẽ, hiệu quả. Việc công khai kết luận kiểm tra và xử lý vi phạm đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm pháp luật, góp phần cảnh tỉnh, răn đe và giáo dục cán bộ, đảng viên.*

- *Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả từ Trung ương đến địa phương như xây dựng, hoàn thiện các văn bản thể chế về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có bước tiến mạnh mẽ, đồng bộ, Bộ Chính trị đã ban hành các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng trên các lĩnh vực (công tác cán bộ; kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; hoạt động thanh tra, kiểm tra, truy tố, xét xử, thi hành án; công tác xây dựng pháp luật; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công). Công tác phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện bài bản, quyết liệt, hiệu quả, chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, đồng thời kiên quyết xử lý trách nhiệm người đứng đầu; kịp thời khuyến khích từ chức, miễn nhiệm, thay thế những cán bộ bị kỷ luật, uy tín giảm sút theo phương châm: có vào, có ra, có lên, có xuống. Nhờ vậy, tình trạng tham nhũng, tiêu cực đã được kiểm soát, ngăn chặn, đẩy lùi, khắc phục tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”; công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở cơ sở, địa phương có sự chuyển biến tích cực, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng và Nhà nước. Hợp tác*

quốc tế về phòng, chống tham nhũng được tăng cường, nâng cao hiệu quả và mở rộng hoạt động phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ra ngoài khu vực nhà nước.

11.2. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng bảo đảm quan điểm, nguyên tắc, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành đồng bộ nhiều chủ trương, quyết sách có tính chiến lược, đặc biệt coi trọng công tác lãnh đạo, chỉ đạo thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ những nút thắt, điểm nghẽn của thể chế, các tình huống mới phát sinh, chưa từng có tiền lệ, được cán bộ, đảng viên và Nhân dân đồng tình, đánh giá cao; kịp thời ban hành các chủ trương, chính sách đột phá về đổi mới toàn diện công tác xây dựng, thực thi pháp luật; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xây dựng lực lượng sản xuất mới; phát triển kinh tế tư nhân; hội nhập quốc tế trong tình hình mới, hướng đến chủ động hội nhập sâu rộng, tận dụng các cơ hội và vượt qua thách thức đưa đất nước phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới¹¹. Cấp ủy các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tổ chức, triển khai thực hiện, kịp thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng cụ thể, rõ ràng hơn, nhất là về trách nhiệm, thẩm quyền của tập thể và cá nhân. Thực hiện nguyên tắc Đảng lãnh đạo, việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ngày càng hiệu quả hơn; thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo, quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị và công tác cán bộ; cấp ủy các cấp, tổ chức đảng chú trọng đổi mới phương pháp lãnh đạo, nề nếp công tác thường xuyên. Công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục được đổi mới đồng bộ, tạo sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân. Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên được thể chế hóa thành quy định cụ thể, nhất là trách nhiệm nêu gương toàn diện của người đứng đầu. Việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kiểm soát quyền lực được đặc biệt coi trọng, triển khai toàn diện, đồng bộ, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu, sự đoàn kết, thống nhất, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt và tài tình của Đảng là nhân tố quyết định những kết quả, thành tựu của đất nước thời gian qua, quyết định sự thành công của sự nghiệp đổi mới.

11.3. Môi quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân được tăng cường

¹¹ Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.....

Nhiệm kỳ XIII, Đảng ta đặc biệt coi trọng công tác lý luận, từng bước phát triển nhận thức về công tác dân vận và xây dựng mối quan hệ mật thiết với Nhân dân. Khẳng định Dân là gốc, là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới của đất nước và công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng; bổ sung, phát triển, từng bước hoàn thiện quan điểm về dân chủ và mở rộng phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; mở rộng phát triển phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” thành “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” ngày càng được làm sáng tỏ. Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới, nêu cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị với công tác dân vận, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng, củng cố vững chắc lòng tin của Nhân dân đối với Đảng. Tăng cường đối thoại, tiếp xúc với Nhân dân, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, giải quyết kịp thời những bức xúc, kiến nghị chính đáng của Nhân dân; thực hiện có hiệu quả phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Phát huy đầy đủ hơn vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác dân vận; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân; phong trào thi đua “Dân vận khéo” đã trở thành hoạt động thường xuyên, ngày càng lan tỏa sâu rộng trong xã hội.

11.4. Hoàn thiện và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm quyền làm chủ, phát huy sức mạnh của Nhân dân, dân chủ không ngừng mở rộng và nâng cao. Thực hiện dân chủ trong các cơ quan nhà nước, đơn vị công lập có nhiều tiến bộ rõ rệt; phát huy dân chủ trong các tổ chức chính trị - xã hội, trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, đạt kết quả quan trọng và tích cực. Với tinh thần “dân là gốc”, “dân là trung tâm, là chủ thể”, đời sống dân chủ trong xã hội có nhiều tiến bộ, Nhân dân thực hiện quyền làm chủ. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố trong thực tiễn, nhất là trong những thời điểm khó khăn phòng, chống dịch và khắc phục hậu quả thiên tai. Sinh hoạt dân chủ trong các cơ quan dân cử, hành chính và tư pháp các cấp có những khởi sắc đáng ghi nhận, được Nhân dân ủng hộ cao. Kết hợp chặt chẽ đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, giữ vững ổn định xã hội, tạo điều kiện cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế ngày càng phát triển, góp phần nâng cao vị thế, uy tín của đất nước trong khu vực và thế giới.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, trở thành trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm tốt vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Sự đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thể hiện trên những mặt chủ yếu: (1) chuyển từ nội dung, phương thức hoạt động đơn điệu, tuyên truyền, thuyết phục là chủ yếu sang nắm bắt, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân và chăm lo, bảo vệ lợi ích của hội viên; (2) chuyển dịch mạnh mẽ từ tình trạng hành chính hóa sang dân chủ hóa các hoạt động, phát huy tính năng động, chủ động, sáng tạo; (3) không ngừng mở rộng, đa dạng hóa và linh hoạt.

III. NHỮNG DẤU ẤN NÓI BẬT NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

Nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng có nhiều dấu ấn đột phá trong công tác xây dựng Đảng, cải cách thể chế, phòng, chống tham nhũng, phục hồi phát triển kinh tế - xã hội như sau:

1. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh được triển khai quyết liệt. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí theo phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”; củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

2. Bước tiến mới trong hoàn thiện thể chế, ban hành nhiều chính sách mới, đột phá, tháo gỡ “điểm nghẽn” về thể chế, hạ tầng, nhân lực; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm soát quyền lực, cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

3. Quyết liệt triển khai thực hiện cuộc cách mạng về sắp xếp tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp theo tinh thần Nghị quyết số 18 - NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

4. Phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, với tinh thần “dân là gốc”, “dân là trung tâm, là chủ thể”.

5. Đẩy mạnh Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030 với tinh thần “Văn hóa soi đường quốc dân đi”; bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao các chỉ số phát triển con người, phát triển bền vững, hạnh phúc.

6. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường; giữ vững chủ quyền, lãnh thổ quốc gia, an ninh biên giới, biển đảo; Việt Nam đảm nhiệm thành công các vai trò quốc tế như thành viên tích cực của Liên hợp quốc, ASEAN, APEC, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

7. Bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên; thực hiện cam kết “phát thải ròng bằng 0” (net Zero) đến năm 2050 tại COP 26; siết chặt công tác quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường; xây dựng Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030.

8. Chuyển đổi số quốc gia trong quản lý nhà nước, nhiều dịch vụ công trực tuyến cấp 4 được cung cấp trên cổng Dịch công quốc gia; đẩy mạnh Chính phủ số, công dân số.

Đại hội XIV của Đảng tiếp tục kế thừa những thành tựu, thế mạnh của Đại hội XIII, đổi mới sáng tạo, thực hiện các đột phá chiến lược; phát huy mạnh mẽ tinh thần đoàn kết toàn dân tộc, lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tự hào dân tộc và giá trị, văn hóa con người Việt Nam. Quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

ĐỀ CƯƠNG

tuyên truyền kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2026 - 2031

(kèm theo Công văn số 691-CV/BTGDV, ngày 31/3/2026 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ)

I. BỐI CẢNH

Trước hết, cuộc bầu cử được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sắc, toàn diện, kịp thời của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, trực tiếp, thường xuyên của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm; sự chỉ đạo, phối hợp thống nhất, quyết liệt, khoa học của Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự vào cuộc đồng bộ của hệ thống chính trị, sự đoàn kết, đồng lòng của các tầng lớp nhân dân.

Thứ hai, cuộc bầu cử diễn ra ngay sau thành công rất tốt đẹp của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, cả hệ thống chính trị và toàn dân đang hồ hởi, trong khí thế mới, niềm tin mới.

Thứ ba, thời gian chuẩn bị và tổ chức cuộc bầu cử được rút ngắn khoảng 02 tháng so với các nhiệm kỳ trước, trong khi toàn bộ các bước của quy trình bầu cử vẫn phải bảo đảm thực hiện đầy đủ, chặt chẽ, đúng quy định của luật.

Thứ tư, sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính, nhiều cán bộ mới, nhưng nhiều yêu cầu mới, yêu cầu cao; nhiều nơi địa bàn rộng, quy mô dân số lớn, phạm vi tổ chức bầu cử được mở rộng, điều kiện địa lý tại nhiều vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo vẫn còn không ít khó khăn.

Thứ năm, đây là kỳ bầu cử đầu tiên đầy mạnh ứng dụng chuyên đổi số một cách toàn diện trong tổ chức thực hiện, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch, chính xác và hiệu quả.

II. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Đã triển khai nghiêm túc Nghị quyết của Quốc hội và Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị, ngày 15/11/2025. Ở Trung ương, các cơ quan đã ban hành đầy đủ 27/27 văn bản, tài liệu theo yêu cầu. Bên cạnh đó, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Công an ban hành hướng dẫn về đăng ký mẫu con dấu, thu hồi con dấu của các tổ chức phụ trách bầu cử; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành Thông tri hướng dẫn kiểm tra, giám sát công tác bầu cử; hướng dẫn giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội. Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia và các Tiểu ban giúp việc Hội đồng bầu cử quốc gia đã ban hành 589 văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc triển khai bầu cử.

Cùng với việc ban hành các văn bản hướng dẫn, Hội đồng bầu cử quốc gia đã tổ chức thành công 02 Hội nghị trực tuyến toàn quốc quán triệt, triển khai công tác bầu cử; 02 Hội nghị tập huấn trực tuyến toàn quốc về sử dụng phần mềm triển khai

công tác bầu cử; **04** phiên họp của Hội đồng bầu cử quốc gia và **01** phiên họp của Thường trực Hội đồng bầu cử quốc gia.

Ở địa phương, các tỉnh ủy, thành ủy đã thành lập Ban Chỉ đạo công tác bầu cử, ban hành chỉ thị lãnh đạo cuộc bầu cử, quán triệt các văn bản chỉ đạo của Trung ương. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban bầu cử các tỉnh, thành phố đã ban hành đầy đủ văn bản hướng dẫn, tổ chức tập huấn nghiệp vụ bầu cử, vận hành khu vực bỏ phiếu, chuẩn bị cơ sở vật chất, phương án bảo đảm an ninh, trật tự, y tế phục vụ sẵn sàng cho ngày bầu cử. Theo kết quả kiểm tra, giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng bầu cử quốc gia, qua **03** đợt kiểm tra, giám sát tại 34 tỉnh, thành phố, các địa phương đã chủ động ban hành khoảng **6.636** văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai công tác bầu cử.

2. Việc thành lập và hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử

Việc thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương được triển khai, nghiêm túc, bảo đảm đúng pháp luật, đúng thành phần, số lượng thành viên và triển khai tốt các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

3. Công tác nhân sự, hiệp thương lựa chọn, giới thiệu, lấy ý kiến cử tri

Công tác chuẩn bị nhân sự tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 được tiến hành thận trọng, bảo đảm đúng quy trình, phát huy dân chủ và sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, toàn diện của Đảng trong công tác cán bộ; gắn với kết quả nhân sự của Đại hội Đảng các cấp và quy hoạch cán bộ để giới thiệu những người tiêu biểu về phẩm chất, đạo đức, năng lực, có quan điểm, lập trường chính trị vững vàng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn thực hiện nhiệm vụ đại biểu. Yêu cầu về số dư, tỷ lệ nữ, trẻ tuổi, dân tộc, ngoài Đảng đều đạt hoặc cao hơn so với quy định. Cụ thể như sau:

a) Đối với nhân sự đại biểu Quốc hội

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã 2 lần điều chỉnh, sau Hội nghị Hiệp thương lần thứ ba, thống nhất lập danh sách **217** người ở trung ương ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI. Trong đó, cơ quan Chủ tịch nước giảm 01 đại biểu còn 02 đại biểu; Bộ Quốc phòng tăng 01 đại biểu là 14 đại biểu. Ở địa phương, đã lập danh sách **647** người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI tại 34 tỉnh, thành phố, trong đó có **642** người được giới thiệu ứng cử và **05** người tự ứng cử. Về cơ bản, việc dự kiến và điều chỉnh được tiến hành kịp thời, đúng quy định, bảo đảm cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu phù hợp với tình hình chung và cụ thể của từng địa phương.

Ngày 14/02/2026, Hội đồng bầu cử quốc gia đã ban hành Nghị quyết số 151/NQ-HĐBCQG công bố danh sách **864** người chính thức ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI ở **182** đơn vị bầu cử trong cả nước. Tính đến ngày 12/3/2026, có chính thức **863** người ứng cử ĐBQH khóa XVI ở **182** đơn vị bầu cử trong cả nước. Trong đó, số người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI do Trung ương giới thiệu là **216** người (giảm 01 người); địa phương có **647** người, đạt tỷ lệ **1,73** người ứng cử trên 01 đại biểu được bầu (trong đó có **5** người tự ứng cử, tỷ lệ 0,58%).

b) Đối với nhân sự đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

- Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được bầu là **2.552** người, giảm **02** người so với kết quả Hội nghị Hiệp thương lần thứ 3 do địa phương đề nghị điều chỉnh, cập nhật trường hợp khuyết người ứng cử vì lý do bất khả kháng.

Tổng số người ứng cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo danh sách chính thức những người ứng cử là **4.217** người, giảm **10** người so với kết quả Hội nghị Hiệp thương lần thứ 3, đạt tỷ lệ **1,65** người ứng cử trên 01 đại biểu được bầu.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được bầu: **72.612** người, giảm **02** người so với kết quả Hội nghị Hiệp thương lần thứ 3 do địa phương đề nghị điều chỉnh, cập nhật trường hợp khuyết người ứng cử vì lý do bất khả kháng.

Tổng số người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã là **120.873** người, giảm **369** người so với kết quả Hội nghị Hiệp thương lần thứ 3 do điều chỉnh, cập nhật số liệu theo danh sách chính thức những người ứng cử các địa phương hoặc khuyết người ứng cử vì lý do bất khả kháng, đạt tỷ lệ **1,66** người ứng cử trên 01 đại biểu được bầu.

4. Việc lập, niêm yết danh sách cử tri

Công tác lập và rà soát danh sách cử tri được triển khai nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật. Theo báo cáo:

- Tổng số cử tri bầu đại biểu Quốc hội: **76.423.940 cử tri**
- Tổng số cử tri bầu HĐND cấp tỉnh: **76.423.940 cử tri**
- Tổng số cử tri bầu HĐND cấp xã: **75.097.388 cử tri**

5. Về Công tác tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử, tập huấn; công tác giám sát, kiểm tra; thông tin, tuyên truyền; bảo đảm an ninh, trật tự, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phục vụ; tài chính và cơ sở vật chất; tổ chức bầu cử sớm... được triển khai đồng bộ, đúng quy định, góp phần bảo đảm cuộc bầu cử diễn ra an toàn, dân chủ và đúng pháp luật.

6. Về bầu cử sớm, trên cơ sở đề nghị của các địa phương, Hội đồng bầu cử quốc gia đã cho phép 217 khu vực bỏ phiếu tại 11 tỉnh, thành phố tổ chức bầu cử sớm từ ngày 26/02/2026 đến hết ngày 14/3/2026.

III. KẾT QUẢ

1. Tỷ lệ cử tri đi bầu

Theo báo cáo sơ bộ của 34 tỉnh, thành phố, có khoảng **76.198.214/76.423.940** cử tri, đạt **99,70%**. Nhìn chung, tỷ lệ cử tri tham gia bỏ phiếu trên phạm vi cả nước đạt tỷ lệ **cao nhất** từ trước đến nay.

2. Kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI

2.1. Về số lượng đại biểu Quốc hội

Tổng số đại biểu Quốc hội được bầu là 500 đại biểu, tổng số người ứng cử là **863** người. Số đại biểu trúng cử là **500** người. Đại biểu do các cơ quan, tổ chức ở trung ương giới thiệu: có **214** người trúng cử, có **02** người không trúng cử.

Với kết quả nêu trên cho thấy, cơ cấu thành phần đại biểu Quốc hội khóa XVI đã giảm đại biểu kiêm nhiệm làm việc trong các cơ quan hành pháp, tư pháp, tăng tỷ lệ đại biểu hoạt động chuyên trách. Tỷ lệ đại biểu Quốc hội dự kiến hoạt động chuyên trách trúng cử cao nhất từ trước đến nay, đạt 40% (cao hơn 1,4% so với nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; 5,5% so với nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV; 7,2% so với nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII; 10,6% so với nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII).

Đặc biệt, lần đầu tiên trong 16 nhiệm kỳ, số đại biểu do Trung ương giới thiệu về địa phương ứng cử đạt tỷ lệ trúng cử cao nhất (**214/216** người trúng cử); 100% số đại biểu dự kiến hoạt động chuyên trách trúng cử. Đồng thời, đây cũng là lần đầu tiên Quốc hội nước ta có thêm đại diện của người dân tộc Ô Đu - một trong những dân tộc ít người nhất tại Việt Nam; tỷ lệ đại biểu là phụ nữ trúng cử tiếp tục đạt mức cao (30%).

3. Kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

3.1. Cấp tỉnh: Theo báo cáo của 34 tỉnh, thành phố, các địa phương đã bầu đủ **2.552** đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo Luật định.

3.2. Cấp xã: Theo báo cáo sơ bộ của các tỉnh, thành phố, cả nước bầu được **72.437** đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Dưới sự lãnh đạo sâu sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, sự chỉ đạo tổ chức thực hiện quyết liệt, khoa học, kịp thời, chuyên nghiệp, sáng tạo của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các cấp, các ngành, các tổ chức phụ trách bầu cử từ Trung ương đến địa phương, Cuộc bầu cử đã thành công rất tốt đẹp. Thành công của cuộc bầu cử thể hiện ở một số nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, kết quả bầu đủ 500 đại biểu Quốc hội, 2.552 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và hơn 72.437 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, đã khẳng định công tác nhân sự được chuẩn bị kỹ lưỡng, dân chủ, đúng quy định của pháp luật.

Thứ hai, số lượng cử tri lớn nhất, tỷ lệ cử tri tham gia bỏ phiếu đạt cao nhất từ trước đến nay (**99,70%**) đã thể hiện rõ ý thức chính trị và trách nhiệm công dân; công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp được triển khai quyết liệt, đồng bộ; công tác thông tin, tuyên truyền được tổ chức rộng khắp, hiệu quả.

Thứ ba, các nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch được bảo đảm xuyên suốt trong toàn bộ quy trình bầu cử, từ dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng; hiệp thương, lấy ý kiến cử tri; giới thiệu người ứng cử; vận động bầu cử; đến tổ chức bỏ phiếu, kiểm phiếu, qua đó lựa chọn được những đại biểu đủ tiêu chuẩn, xứng đáng.

Thứ tư, công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện được tiến hành nghiêm túc, đúng quy định pháp luật, bảo đảm tiến độ đề ra. Hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn được ban hành kịp thời, đồng bộ; công tác thông tin, tuyên truyền có nhiều đổi mới, góp phần nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận xã hội.

Thứ năm, tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong suốt quá trình diễn ra cuộc bầu cử được giữ vững; không phát sinh tình huống phức tạp, bất thường; số lượng các đơn thư, khiếu nại tố cáo liên quan đến cuộc bầu cử giảm hơn nhiều so với các nhiệm kỳ trước.

2. Nguyên nhân thành công

- Sự lãnh đạo chặt chẽ, toàn diện, kịp thời của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy Đảng trong toàn bộ quá trình chuẩn bị và tổ chức bầu cử.

Sự tham gia tích cực, trách nhiệm của cử tri và các tầng lớp Nhân dân cả nước, thể hiện qua tinh thần chủ động trong công tác chuẩn bị và ý thức lựa chọn đại biểu thông qua từng lá phiếu.

- Công tác chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời; công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên; sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Trung ương và địa phương, nhất là Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; cùng với hoạt động tích cực, chủ động của Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban giúp việc và các bộ phận tham mưu giúp việc của các cơ quan tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên đã phát huy hiệu quả vai trò trong công tác hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, vận động bầu cử và động viên Nhân dân tích cực tham gia.

- Sự chủ động, trách nhiệm của chính quyền và các cơ quan trong hệ thống chính trị các cấp trong việc tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, bảo đảm an ninh, trật tự; đẩy mạnh tuyên truyền; giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo; chuẩn bị đầy đủ điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ bầu cử.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy Đảng đối với công tác chuẩn bị bầu cử là yếu tố quan trọng hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cuộc bầu cử.

Hai là, sự phân công, hợp tác tích cực, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức hữu quan trong công tác chỉ đạo chuẩn bị bầu cử sẽ tạo sự thống nhất, thông suốt từ Trung ương đến cơ sở trong việc tổ chức chuẩn bị và tiến hành cuộc bầu cử. Sự tin tưởng, đồng lòng của Nhân dân, ý thức trách nhiệm của công dân, sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị vào công tác bầu cử là yếu tố quyết định, bảo đảm chắc chắn cho thành công của cuộc bầu cử.

Ba là, công tác thông tin, tuyên truyền mạnh mẽ, sâu rộng đến mọi người dân về bầu cử với nhiều hình thức đa dạng, thiết thực, nội dung phong phú; việc bảo đảm

sự công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng, bình đẳng; phát huy tốt vai trò của Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức thành viên trong việc vận động khuyến khích người dân, cử tri cả nước tham gia vào các bước trong quá trình bầu cử.

Bốn là, quán triệt quan điểm công tác chuẩn bị nhân sự cho Đại hội Đảng các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và công tác chuẩn bị nhân sự cho Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp có mối quan hệ mật thiết, mang tính tổng thể, liên thông và có tính kế thừa.

Năm là, làm tốt công tác tập huấn nghiệp vụ bầu cử; thành viên các tổ chức phụ trách bầu cử có tâm huyết, trách nhiệm, nắm vững luật pháp về bầu cử, thành thạo công việc, giữ vững nguyên tắc. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về tiến độ triển khai công tác bầu cử; thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời chỉ đạo, giải quyết những vướng mắc, khó khăn ở địa phương.

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN

NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA ĐẤT NƯỚC TRONG 5 NĂM 2021 - 2025

(kèm theo Công văn số 691-CV/BTGDV, ngày 31/3/2026

của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ)

I. BỐI CẢNH

1. Tình hình thế giới

Trong 5 năm qua, tình hình thế giới có nhiều biến động, phức tạp, khó đoán định,... các cuộc chiến tranh, xung đột ở một số khu vực ảnh hưởng đến mọi mặt quan hệ quốc tế, làm gia tăng căng thẳng địa chính trị, tác động đến an ninh năng lượng, lương thực, biến đổi khí hậu và cùng các thách thức an ninh phi truyền thống khác, gây cản trở sự phát triển của nhân loại. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra sự nhảy vọt của lực lượng sản xuất, đẩy mạnh hiện đại hóa đời sống kinh tế - xã hội trên nền tảng số hóa và kết nối vạn vật, làm gia tăng khoảng cách phát triển giữa các nước, các nền kinh tế, tạo ra những thời cơ, thách thức đối với các quốc gia, dân tộc. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra quyết liệt, làm thay đổi vị trí, vai trò, tương quan lực lượng giữa các nước gia tăng rủi ro đối với lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng, tiếp tục là khu vực phát triển năng động nhưng cũng là tâm điểm cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, tiềm ẩn nhiều nhân tố bất ổn về an ninh truyền thống và phi truyền thống; tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt, đe dọa hòa bình, ổn định và phát triển trong khu vực.

2. Tình hình trong nước

Giai đoạn 2021 - 2025, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Đảng, sự quản lý, điều hành quyết liệt của Chính phủ, nỗ lực vào cuộc của cả hệ thống chính trị; sự chung sức, đồng lòng của Nhân dân và sự ủng hộ của bạn bè quốc tế, đất nước ta đã vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội

XIII đề ra, đạt được những thành tựu phát triển quan trọng, khá toàn diện và có nhiều điểm sáng, như: giữ vững ổn định chính trị - xã hội; phòng, chống hiệu quả đại dịch Covid -19, tháo gỡ khó khăn, phục hồi phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân. Nền kinh tế đã có sự chuyển biến tích cực, toàn diện trên nhiều lĩnh vực: Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát ở mức thấp; các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản bảo đảm; nợ công giảm. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng hoàn thiện, đầy đủ hơn. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa được triển khai hiệu quả, đưa quan hệ đối ngoại ngày càng đi vào chiều sâu, nâng cao uy tín, vị thế của đất nước trong khu vực và thế giới.

Đặc biệt, hai năm cuối nhiệm kỳ, triển khai thực hiện nhiều quyết sách chiến lược mang tính cách mạng, có ý nghĩa lịch sử, đột phá, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả cao, nổi bật là thực hiện cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và ban hành các nghị quyết trụ cột đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn,... cùng với đó là việc chỉ đạo tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ở các dự án tồn đọng kéo dài, đồng thời đẩy nhanh tiến độ các công trình, hạ tầng trọng điểm như đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao, điện hạt nhân,... tạo nền tảng tăng trưởng hai con số cho nhiệm kỳ sau. Công tác an sinh xã hội được chú trọng như miễn học phí cho học sinh từ mầm non đến Trung học phổ thông công lập trên phạm vi cả nước; cơ bản hoàn thành xóa nhà tạm, nhà dột nát, xây dựng nhà ở xã hội; chủ động, kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai, biến đổi khí hậu. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai quyết liệt, toàn diện, đạt nhiều kết quả quan trọng, được Nhân dân đồng tình, hưởng ứng và tin tưởng. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân tiếp tục được cải thiện và không ngừng nâng lên. Việt Nam tiếp tục được đánh giá là điểm sáng về an toàn và ổn định xã hội, chính trị và triển vọng phát triển.

Những kết quả nổi bật đạt được trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng và bản lĩnh, trí tuệ Việt Nam. Thành tựu của đất nước sau 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới tạo nền tảng vững chắc, tiềm lực, uy tín quốc tế để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, phấn đấu đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trở thành nước phát triển có thu nhập cao, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

II. NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA ĐẤT NƯỚC TRONG 5 NĂM 2021-2025

1. Phát triển Kinh tế

1.1. Hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Giai đoạn 2021 - 2025, tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, đột phá chiến lược, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đạt được thành tựu nổi bật: hoàn thiện pháp luật, tạo đột phá, đổi mới công tác xây dựng thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, ban hành nhiều quyết sách mang tính “xoay chuyển tình thế, chuyển đổi trạng thái, thích ứng với hoàn cảnh” và “biến nguy thành cơ” theo tinh thần Nghị quyết số 66 - NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị; rà soát, điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi cơ sở pháp lý còn thiếu, thừa để tháo gỡ điểm nghẽn, bất cập trong thực thi, khơi thông dòng chảy phát triển kinh tế - xã hội; loại bỏ tư duy trì trệ, thiếu trách nhiệm “không quân được thì cấm”, kiến tạo sự phát triển trên không gian số, thể chế hóa đầy đủ quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân¹²,... bảo đảm quyền lợi, lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp¹³; các yếu tố thị trường, quy luật thị trường đã phát huy vai trò tích cực trong phân bổ nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế; các loại thị trường được hình thành đồng bộ, phát triển gắn với thị trường thế giới và khu vực; thị trường mới hình thành, phát triển (thị trường tín chỉ các - bon, tài chính xanh, năng lượng xanh...); loại bỏ chông chéo về thủ tục hành chính trong đầu tư kinh doanh; chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh đã được cải thiện, xếp hạng môi trường kinh doanh toàn cầu Việt Nam được nâng lên (theo EIU tăng 12 bậc, theo Herigate Foundation chỉ số Tự do kinh tế Việt Nam đứng thứ 72). Phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan Trung ương và chính quyền địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương được đẩy mạnh (phân quyền giữa cơ quan Trung ương cho cấp tỉnh, cấp tỉnh phân cấp, phân quyền cho cấp xã) như cơ chế, chính sách đầu tư, bảo vệ môi trường, đất đai, quy hoạch giao thông, tài chính,... và thí điểm thực hiện cơ chế đặc thù, phân cấp cho một số địa phương¹⁴.

Hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán được đẩy mạnh, tập trung vào những lĩnh vực trọng yếu dễ phát sinh tiêu cực; coi trọng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm cơ bản đáp ứng yêu cầu của người dân, doanh nghiệp.

1.2. Kinh tế vĩ mô và kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược

- Tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức khá cao so với khu vực và thế giới: Quy mô GDP năm 2020 đạt 346 tỷ USD, xếp thứ 37 thế giới, năm 2025 đạt hơn 514 tỷ USD, xếp thứ 32 thế giới và thứ 4 trong khu vực ASEAN. GDP bình quân đầu người gấp 1,4 lần, tăng từ 3.552 USD lên hơn 5.000 USD, đưa Việt Nam vào nhóm nước có thu nhập trung bình cao. Năm 2020, thu nhập quốc dân (GNI) bình quân

¹² Bổ sung, sửa đổi Luật Đất đai (sửa đổi); Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi); Luật Nhà ở (sửa đổi); Luật phòng, chống rửa tiền (sửa đổi); Luật các tổ chức tín dụng (sửa đổi); Luật Đấu thầu; Luật giá....

¹³ Quốc hội khóa XV đã tổ chức họp 9 kỳ họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp thiết, tồn tại trong thực tiễn. Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành trên 180 luật, pháp lệnh, nghị quyết; ban hành 820 nghị định

¹⁴ Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Nghệ An, Thanh Hóa, Khánh Hòa,...

đầu người đạt 3.400 USD, năm 2024 tăng lên 4.490 USD, gần với mức thu nhập trung bình cao; năm 2025 đạt 4.750 USD; tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 6,3% năm; giai đoạn 2021 - 2025 có 22/26 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch. Năm 2024 - 2025 đạt và vượt toàn bộ 15/15 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu. Tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 8,02%, được nhiều tổ chức quốc tế đánh giá cao tinh thần chủ động trong chỉ đạo, điều hành linh hoạt về phát triển kinh tế của Việt Nam.

- Kinh tế vĩ mô được giữ ổn định trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động, thể hiện rõ sức chống chịu của nền kinh tế; giai đoạn 2021 - 2025, lạm phát được kiểm soát (duy trì dưới 3,6%, riêng năm 2025 khoảng 3,3%); các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm, nợ công và bội chi ngân sách duy trì trong ngưỡng an toàn, củng cố ổn định trung hạn; chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác được phối hợp đồng bộ, hài hòa, linh hoạt, hiệu quả; tập trung đẩy mạnh đầu tư công có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải: (1) Chỉ số tiêu dùng CPI bình quân năm 2021 tăng 1,84%; năm 2022 tăng 3,15%; năm 2023 tăng 3,25%; năm 2024 tăng khoảng 4-4,5%; năm 2025 tăng 3,31%; (2) Quy mô xuất nhập khẩu hàng hóa tăng lên và đạt kết quả cao, năm 2025 đạt khoảng 850 tỷ USD, thuộc nhóm 20 quốc gia dẫn đầu thế giới; cơ cấu hàng xuất khẩu gia tăng, trong đó giảm hàm lượng xuất khẩu thô, tăng xuất sản phẩm chế biến, sản phẩm công nghiệp, thúc đẩy cho hàng hóa Việt Nam tham gia sâu vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu; nhóm hàng công nghiệp chế biến chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu xuất khẩu (năm 2021, 2022 chiếm khoảng 89,5% tổng kim ngạch xuất khẩu; năm 2023 chiếm 88,3%; năm 2024 chiếm 88%; năm 2025 ước chiếm 88,6%). Kim ngạch xuất, nhập khẩu có xu hướng tăng lên; năm 2020 đạt 545,1 tỷ USD (xuất siêu 19,7 tỷ USD); năm 2021 đạt 635,3 tỷ USD (xuất siêu 35,7 tỷ USD); năm 2022 đạt 730,2 tỷ USD (xuất siêu 12,4 tỷ USD); năm 2023 đạt 683 tỷ USD (xuất siêu 28 tỷ USD); năm 2024 đạt 786,29 tỷ USD (xuất siêu 24,2 tỷ USD); năm 2025 đạt 930 tỷ USD (xuất siêu 2,1 tỷ USD). Nhập khẩu hàng hóa được kiểm soát tốt, chủ yếu nhập nhóm hàng hóa phục vụ xuất khẩu và hàng thiết yếu luôn chiếm 90%; thị trường xuất khẩu gia tăng, tăng cường khai thác thị trường truyền thống, tích cực mở rộng thị trường mới, tiềm năng và tận dụng hiệu quả các FTA thế hệ mới, chuỗi cung ứng hàng hóa của Việt Nam ngày càng đa dạng, phong phú, bền vững; hàng hóa của Việt Nam đã tiếp cận hầu hết các thị trường trên thế giới, nâng cao khả năng cạnh tranh, nhất là những thị trường yêu cầu cao về chất lượng như: EU, Mỹ, Nhật, Úc,... đẩy mạnh chuyển đổi sản xuất về tiêu chuẩn mới xanh hóa, giảm phát thải các-bon, ESG, phù hợp yêu cầu của thị trường lớn; tiếp tục đẩy mạnh phòng vệ thương mại, cảnh báo sớm giúp doanh nghiệp không bị áp thuế phòng vệ thương mại hoặc bị áp mức thấp; cán cân thương mại duy trì xuất siêu lớn, bảo đảm cán cân thanh toán hỗ trợ cân đối cung cầu ngoại tệ; (3) Thương mại trong nước được cải thiện, phục hồi nhanh, phát triển bền vững thị trường nội địa, thúc đẩy tiêu dùng, đẩy mạnh Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam; tăng cường xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức hội chợ, triển lãm bài bản, hiệu quả; chủ động triệt phá, truy quét các vụ án buôn lậu, sản xuất hàng giả,... có tháng cao điểm đã bắt giữ, xử lý trên 10,4

nghìn vụ việc, thu nộp ngân sách Nhà nước gần 1.300 tỷ đồng, củng cố niềm tin người tiêu dùng và bảo vệ các doanh nghiệp sản xuất trong nước; đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến du lịch; (4) Giai đoạn 2021 - 2025 thu ngân sách nhà nước ước đạt 9,6 triệu tỷ đồng, gấp 1,36 lần giai đoạn 2016 - 2020, vượt mục tiêu đề ra 8,3 triệu tỷ đồng; cân đối ngân sách nhà nước được bảo đảm, chú trọng triển khai các chính sách giảm, giãn, hoãn, gia hạn các loại thuế, phí hỗ trợ người dân, doanh nghiệp (9 tháng năm 2025 đã giảm, gia hạn thuế, phí,.. khoảng 200 nghìn tỷ đồng để hỗ trợ sản xuất, kinh doanh); tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, đồng thời thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tuân thủ pháp luật thuế. Tỷ lệ huy động ngân sách nhà nước đạt khoảng 18,3% GDP; nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài và bội chi ngân sách nhà nước được kiểm soát tốt. Năm 2025, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Fitch Ratings xếp hạng tín nhiệm Việt Nam ở mức BB+, triển vọng “Ổn định”, tổ chức Moody's xếp hạng Việt Nam ở mức Ba2, triển vọng “Ổn định”.

- Các công cụ chính sách tiền tệ được điều hành đồng bộ, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa, góp phần ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, kiểm soát lạm phát theo mục tiêu, cung ứng vốn cho quá trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Điều hành lãi suất linh hoạt, thận trọng phối hợp hài hòa, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ,... tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp, tiết giảm chi phí, chuyển đổi số,... để lãi suất cho vay có xu hướng giảm. Điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp với thị trường trong nước và ngoài nước, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Điều hành tăng trưởng tín dụng an toàn, hợp lý, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế, coi trọng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đồng thời kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Tăng cường các giải pháp tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận tín dụng ngân hàng, kết nối ngân hàng - doanh nghiệp có nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, tín dụng ưu đãi đối với người nghèo, đối tượng chính sách¹⁵,... đặc biệt tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng từ thiên tai, lũ, lụt, dịch bệnh.

1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại các ngành sản xuất và dịch vụ

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng trưởng xanh, phát triển bền vững đạt kết quả tích cực. Năm 2025, tỷ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ tăng lên 80,5% GDP (năm 2020 đạt 78,6%); khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 12,7% xuống 11,67%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 8,0% GDP. Các ngành sản xuất và dịch vụ bước đầu cơ cấu lại theo hướng số hóa, xanh hóa, đa dạng hóa, tăng cường sức chống chịu, nâng cấp chuỗi giá trị dựa trên nền khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; kinh tế số thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững, tỷ trọng tăng thêm chiếm khoảng 14% GDP năm 2025; tỷ lệ người dân trưởng thành

¹⁵ Chương trình tín dụng 500.000 tỷ đồng cho doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, công nghệ số; Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực nông, lâm, thủy sản được mở rộng đối tượng, nâng quy mô từ 15.000 tỷ đồng lên 185.000 tỷ đồng; Chương trình cho vay liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo chất lượng cao.

có tài khoản chiếm trên 87%, vượt chỉ tiêu đề ra 80%, thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng mở rộng.

- Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng bình quân 6,6%/ năm; công nghiệp được cơ cấu lại theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng từ 23,9% năm 2020 lên khoảng 25% năm 2025; giá trị tăng thêm công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân đầu người khoảng 1.250 USD). Nhóm hàng công nghiệp có kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD (điện tử, máy tính, linh kiện, phụ tùng, hàng dệt may,... thuộc nhóm dẫn đầu khu vực và thế giới. Công nghiệp năng lượng tăng trưởng khả; tỷ trọng điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối trong tổng sản lượng điện của hệ thống tăng từ 4,9% năm 2020 lên 15% năm 2025. Diện tích khu công nghiệp tăng từ 117,3 nghìn ha năm 2020 lên 140 nghìn ha năm 2025 (năm 2020 thành lập 380 khu công nghiệp, năm 2023 thành lập 422 khu công nghiệp), hình thành hai vùng công nghiệp lớn của cả nước là Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Hồng.

- Cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực như giáo dục, y tế, ngân hàng, thương mại, bảo hiểm, vận tải,... Áp dụng chuẩn mực quốc tế cho các hoạt động kế toán, kiểm toán, ngân hàng thương mại,... hạ tầng dịch vụ logistics tiếp tục được đẩy mạnh xây dựng (hiện nay có 8 trung tâm logistics, 11 cảng cạn, 16 điểm thông quan hàng hóa,...); thương mại điện tử trở thành kênh phân phối quan trọng (doanh thu 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 10,3 tỷ USD, tăng 25% so với cùng kỳ, chiếm 8% doanh thu hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng). Du lịch phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid - 19, năm 2025 đón 21,5 triệu lượt khách quốc tế.

- Nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò trụ đỡ, đáp ứng nhu cầu lương thực, an toàn thực phẩm, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu. Nhóm 13 sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia¹⁶; chủ lực cấp tỉnh và sản phẩm đặc sản địa phương OCOP từng bước được nâng cao chất lượng (công nhận 13.368 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên với 7.425 chủ thể tham gia,...); tỷ trọng sản phẩm chất lượng cao, qua chế biến tăng nhanh (thủy sản, rau, hoa quả, cây công nghiệp giá trị cao, đồ gỗ và nông lâm đặc sản); có 11 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, trong đó 7 nhóm mặt hàng trên 3 tỷ USD (gạo, rau quả, cà phê,...); xuất khẩu nông sản Việt Nam đứng thứ 15 thế giới, thứ 2 Đông Nam Á và có mặt trên 200 quốc gia, nhiều loại nông sản Việt Nam thuộc nhóm dẫn đầu thế giới. Hiện nay, cả nước có 8.000 cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản quy mô công nghiệp gắn với xuất khẩu, có gần 22.000 cơ sở chế biến nhỏ lẻ. Tỷ lệ nông sản chế biến xuất khẩu chiếm tới 45% tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản. Nâng cao hiệu quả khai thác hải sản đánh bắt xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia. Các mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao được phát triển, lực lượng doanh nghiệp nông nghiệp tăng mạnh.

¹⁶ Gạo, cà phê, cao su, điều, hồ tiêu, chè, rau quả, sắn và sản phẩm từ sắn, thịt lợn, thịt và trứng gia cầm, cá tra, tôm, gỗ và sản phẩm từ gỗ

- Cơ cấu lại các lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế: (1) tập trung sửa đổi, hoàn thiện, thể chế, pháp luật theo hướng phân cấp, phân quyền cho cơ sở, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân đầu tư công, phục hồi tăng trưởng kinh tế; thực hiện kế hoạch đầu tư công quyết liệt, hiệu quả, khắc phục tình trạng trì trệ, dàn trải, phân tán. Tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng, vận hành hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công, bảo đảm công khai, minh bạch. Hệ thống các cơ chế, chính sách về sắp xếp, đổi mới cơ cấu và nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước tiếp tục hoàn thiện¹⁷,... kiên quyết xử lý các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả, doanh nghiệp thua lỗ kéo dài. Cổ phần hóa doanh nghiệp được coi trọng triển khai, hoạt động hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước; (2) Khu vực kinh tế tư nhân (doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) phát triển năng động với số lượng doanh nghiệp ngày càng tăng, đóng góp khoảng 51% GDP, trên 30% thu ngân sách, sử dụng 82% lao động. Năm 2025, kinh tế tư nhân có bước đổi mới mạnh mẽ, theo hướng phát triển là một động lực quan trọng của nền kinh tế (theo Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị). Hình thành một số doanh nghiệp tư nhân có quy mô hoạt động lớn, đa ngành, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế và thu hút được một số doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; (3) cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng theo hướng hoàn thiện thể chế, hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn, áp dụng chuẩn mực quốc tế¹⁸, giữ vững ổn định, an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng, mạng lưới phân phối sản phẩm dịch vụ ngân hàng phát triển nhanh, hiện đại, phủ rộng. Tập trung xử lý nợ xấu, ngăn chặn tình trạng sở hữu chéo, thao túng, chi phối hoạt động ngân hàng của các tổ chức tín dụng; tích cực xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, cơ cấu lại các ngân hàng trong diện kiểm soát đặc biệt, đồng thời tăng cường công tác thanh tra, giám sát; (4) thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới, phát triển kinh tế số và tập trung chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh giai đoạn 2026-2030, phát triển kinh tế xanh trong nhiều lĩnh vực; chú trọng hoàn thiện các chính sách về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường, quyết tâm thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” năm 2050.

1.4. Tập trung nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng, các công trình hạ tầng giao thông quan trọng quốc gia, đường bộ cao tốc, đường ven biển, liên vùng... đầu tư xây dựng nhiều công trình giao thông quan trọng, quy mô lớn, hiện đại được đưa vào khai thác hiệu quả, bảo đảm kết nối các trung tâm kinh tế lớn, các vùng miền trên cả nước và giao thương quốc tế, góp phần xây dựng diện mạo mới, khang trang cho đất nước. Hoàn thành trên 3.000 km đường bộ cao tốc và 1.700 km đường ven biển; thực hiện xây dựng các tuyến vành đai và đường sắt đô thị (tuyến Cát Linh - Hà Đông; Nhôn - ga Hà Nội; tuyến Bến Thành - Suối Tiên). Đầu tư xây dựng các

¹⁷ Quốc hội khóa XV đã sửa đổi, ban hành các Luật Đầu tư công, Luật nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Doanh nghiệp.

¹⁸ Luật phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

Cảng biển, cảng hàng không, thủy lợi, phòng chống thiên tai,... như Cảng hàng không Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Điện Biên, Phú Bài, Cát Bi và cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện, Cái Mép - Thị Vải,... Đường sắt tập trung cải tạo, nâng cấp các điểm nghẽn kỹ thuật, đồng thời triển khai thực hiện các dự án lớn, như đường sắt cao tốc trục Bắc - Nam, đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng,... tạo liên kết vùng, phát triển đô thị và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tập trung đầu tư hạ tầng phát điện và truyền tải điện, hoàn thành nhiều công trình lớn (trên 1.000MW), bổ sung năng lực cho hệ thống năng lượng quốc gia, chú trọng phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án, công trình quan trọng đi vào vận hành (dự án nhà máy điện Sông Hậu 1, nhà máy điện Thái Bình 2, nhà máy điện BOT Vân Phong...). Đặc biệt, hoàn thành vượt tiến độ các dự án đường dây 500KV Quảng Bình - Hưng Yên, đường dây 500 KV Lào Cai - Vĩnh Yên; hoàn thành một số công trình thủy lợi lớn, đưa vào sử dụng như hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé (Kiên Giang), hồ Bản Mòng (Nghệ An). Đẩy mạnh đầu tư, phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng số theo hướng hiện đại hóa và đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia (phủ sóng 4G đạt 99,8%; 100% xã, phường có hạ tầng băng rộng cáp quang,...); hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia được hình thành (dữ liệu dân cư, đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm, cán bộ, công chức,...), từng bước được kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương; chú trọng đầu tư các công trình hạ tầng cho giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao.

1.5. Phát triển kinh tế vùng, kinh tế biển, đô thị và xây dựng nông thôn mới:

(1) Phát triển vùng, kinh tế - xã hội các vùng, liên vùng được đặc biệt quan tâm, từng bước xây dựng các hành lang kinh tế, vùng động lực, cực tăng trưởng nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế các vùng, địa phương. Cơ chế điều phối vùng được hoàn thiện hơn; vai trò của các hội đồng điều phối vùng được phát huy; liên kết vùng được đẩy mạnh. Nhiều dự án có quy mô vùng và có tính chất liên kết vùng được triển khai thực hiện. Công tác quy hoạch có bước đột phá, chất lượng quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành, vùng, các địa phương được nâng cao, bảo đảm tính liên kết và đồng bộ, tạo thêm các động lực tăng trưởng và không gian phát triển mới. Tập trung quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn, ưu tiên, lồng ghép các chính sách phát triển hạ tầng giao thông đô thị sử dụng điện năng lượng xanh, giao thông phi cơ giới; phát triển cân bằng giữa hạ tầng nông thôn và hạ tầng đô thị; (2) Phát triển kinh tế biển được thúc đẩy và đạt kết quả tích cực; hệ thống cảng biển, đường ven biển, hệ thống đê, kè biển, hạ tầng các đảo,... được quan tâm đầu tư; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ven biển và hải đảo được cải thiện. Nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản về biển đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác quản lý, khai thác sử dụng, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng lên tiếp tục được chú trọng. Đã ban hành cơ chế lấn biển tạo thêm không gian phát triển mới. Hình thành và phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch gắn với chuỗi đô thị ven biển; triển khai nghiên cứu, hình thành các khu thương mại tự do tại một số địa phương. Các lợi thế của biển được phát huy hiệu quả hơn, từng

bước thực hiện mục tiêu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, bảo đảm an ninh, an toàn; (3) Phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới đã và đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống đô thị từng bước phát triển có trọng tâm, trọng điểm; chất lượng đô thị tiếp tục được nâng cao, bước đầu đã hình thành cực tăng trưởng kinh tế và trung tâm đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo tại các đô thị lớn. Hạ tầng đô thị được đầu tư và hoàn thiện theo hướng hiện đại, đồng bộ¹⁹.

2. Văn hóa có sự chuyển biến mạnh mẽ, khẳng định vai trò quan trọng, là động lực nội sinh, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển bền vững đất nước. Thể chế chính sách và nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa được tăng cường. Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam được tập trung xây dựng và từng bước thực hiện mục tiêu xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc. Các hoạt động văn hóa, sản phẩm văn hóa, nghệ thuật ngày càng đa dạng, phong phú; công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa và thị trường văn hóa từng bước được phát triển; giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa của dân tộc được kế thừa, bảo tồn và phát huy; văn hóa trong chính trị, kinh tế được coi trọng. Các thiết chế văn hóa được quan tâm quy hoạch, đầu tư tại các địa phương, địa bàn đông dân cư, đô thị, đáp ứng nhu cầu của người dân, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền. Công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh, văn hóa các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt được kết quả tích cực. Hệ thống cơ sở thể dục, thể thao được đầu tư, xây dựng. Thể thao thành tích cao đạt được một số kết quả tích cực,... Việc phát hiện, thu hút, đào tạo, trọng dụng nhân tài bước đầu có chuyển biến tích cực. Chỉ số phát triển con người (HDI) được cải thiện rõ rệt, tăng 14 bậc, đạt 0,766 điểm, thuộc nhóm phát triển cao. Chỉ số hạnh phúc năm 2025 xếp thứ 46/143 quốc gia, tăng 33 bậc so với năm 2021.

Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; tích cực thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện kỷ niệm lớn của đất nước, như: kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ, 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh 2/9. Truyền thông, báo chí, xuất bản đã góp phần truyền tải ra thế giới những thông tin sinh động, đa chiều về đất nước, con người Việt Nam.

3. Giáo dục và Đào tạo đạt được một số kết quả quan trọng về đổi mới căn bản, toàn diện; tập trung đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông ở tất cả các cấp học trên phạm vi cả nước. Thực hiện đúng lộ trình về thẩm định, phê duyệt danh mục sách giáo khoa theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho tất

¹⁹ Cả nước có khoảng 80% xã đạt chuẩn nông thôn mới, có 42,2% đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (vượt mục tiêu giai đoạn 2021-2025 là 40%) và 12,2% đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (vượt mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025 là 10%), bình quân cả nước đạt 17,5% tiêu chí/xã; 7/16 huyện nghèo đã ra khỏi danh sách huyện "trắng xã nông thôn mới, có trên 16,8 nghìn sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên với hơn 9 nghìn chủ thể OCOP, cơ cấu kinh tế, trình độ sản xuất và diện mạo khu vực nông thôn thay đổi rõ rệt

cả các khối từ lớp 1 đến lớp 12, gồm cả sách giáo khoa đặc thù. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non, đổi mới phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. Nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, bảo đảm công bằng, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục. Chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý ngày càng được chú trọng, nâng cao; đào tạo nhân lực, gắn với nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo chuyên biến tích cực; hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng. Đặc biệt, đã thực hiện miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong hệ thống giáo dục quốc dân; triển khai xây dựng trường học nội trú liên cấp ở các xã biên giới đất liền, phấn đấu khởi công xây dựng 100 trường từ nguồn tiết kiệm chi; Nhà nước hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới,... Nhiều tỉnh, thành phố thực hiện tốt chính sách hỗ trợ gạo, tiền, miễn giảm học phí; trao học bổng, tặng quà cho học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số vượt khó, học giỏi.

4. Y tế phát triển tích cực, chất lượng được nâng lên, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, là một trong những hình mẫu về phòng, chống dịch trong giai đoạn đầu và thực hiện quyết liệt, đưa ra nhiều giải pháp cụ thể để khống chế, đẩy lùi dịch bệnh, với phương châm “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả đại dịch Covid -19”. Bảo hiểm y tế và mạng lưới Y tế cơ sở phát triển rộng khắp, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95,2% năm 2025, Việt Nam được Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và Ngân hàng thế giới (WB) đánh giá có chỉ số bao phủ dịch vụ y tế thiết yếu đạt 68/100 điểm, cao hơn mức trung bình khu vực Đông Nam Á (62 điểm). Mạng lưới Y tế cơ sở mở rộng toàn bộ địa bàn xã, huyện; cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản và nhân lực được đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Hệ thống khám, chữa bệnh được quan tâm và phát triển đồng bộ, làm chủ công nghệ mới khám, chữa bệnh kỹ thuật cao như ghép tạng, ghép đa tạng trên cùng một người bệnh,... Trình độ chuyên môn và năng lực của đội ngũ bác sĩ, y tá, điều dưỡng có bước phát triển, vững chắc. Chú trọng chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong Y tế, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đi khám bệnh bảo hiểm y tế không phải mang theo giấy tờ. Tuổi thọ và chỉ số sức khỏe người dân bình quân của cả nước được cải thiện, năm 2025 tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh là 74,8 năm, số năm sống khỏe khoảng 67 năm, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

5. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiếp tục được xác định là một trong trụ cột, đột phá chiến lược, tạo động lực trung tâm cho phát triển nhanh, bền vững của đất nước; tập trung thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế số, xã hội số và kinh tế tri thức,... đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ; thúc đẩy đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân đầu tư tham gia nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, cổ vũ tinh thần khởi nghiệp và đẩy mạnh các hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực công

nghệ cao, chiến lược. Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp và thị trường, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo đã đạt nhiều kết quả tích cực như thu hút dòng vốn đầu tư mạo hiểm vào Việt Nam (năm 2021 đạt khoảng 1,4 tỷ USD), Việt Nam xếp hạng thứ 55 thế giới, thứ 5 Đông Nam Á trên bản đồ hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu; tạo nền tảng cho các mô hình hợp tác công - tư, đầu tư mạo hiểm và chuyển giao công nghệ. Quản trị hệ sinh thái bằng dữ liệu và đánh giá, Việt Nam là một trong số ít quốc gia xây dựng được Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), được Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) đánh giá là mô hình tiên phong khu vực. Chuyển đổi số hướng tới mục tiêu “kinh tế số - xã hội số - công dân số”, tạo nền tảng vững chắc cho đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế sâu rộng. Kinh tế số (tốc độ tăng trưởng kinh tế số đạt 20%/năm, gấp 2,5 lần tăng trưởng GDP, quy mô kinh tế số đạt 158 tỷ USD, chiếm 20,5% GDP, doanh thu công nghệ thông tin đạt 158 tỷ USD, thương mại điện tử tăng 26%/năm). Xã hội số (100% người dân có tài khoản định danh số VNeID, 87% doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia sàn thương mại điện tử, gần 24 triệu hộ gia đình có kết nối số, 37 triệu người dân học tập, làm việc trên nền tảng số).

6. An sinh xã hội ngày càng được bảo đảm, điểm tựa vững chắc, nâng cao đời sống Nhân dân, đặc biệt nhóm yếu thế, ưu tiên bố trí nguồn lực cho an sinh xã hội, phát triển con người, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt, nhất là ở khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; kiên trì mục tiêu phát triển bền vững “không để ai bị bỏ lại phía sau”; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm mạnh (từ 4,2% năm 2022 xuống còn 1,3% năm 2025), quan tâm chăm lo đời sống cho người có công, thân nhân người có công. Hệ thống chính sách an sinh xã hội được triển khai đồng bộ, chuyển từ “bảo đảm và ổn định” sang “ổn định và phát triển”; với tổng nguồn lực khoảng 1,1 triệu tỷ đồng; bao phủ các chính sách trợ giúp thường xuyên, trợ giúp đột xuất, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, hỗ trợ nhà ở, việc làm cho người yếu thế; số người hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên được mở rộng năm 2025 là trên 3,5 triệu người, trong đó trên 55% là người cao tuổi, bảo đảm 100% đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện để hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, 100% người dân bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt, thiếu đói được trợ giúp kịp thời. Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em được tăng cường, nhất là giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên được quan tâm. Công tác chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi tiếp tục được các ngành, các cấp quan tâm (95% người cao tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế). Bình đẳng giới ngày càng thực chất, đi vào chiều sâu, vai trò, địa vị của phụ nữ được cải thiện rõ rệt như phòng, chống bạo lực gia đình; chỉ số xếp hạng về bình đẳng giới của Việt Nam năm 2023 đứng thứ 72/146 quốc gia, tăng 15 bậc so với năm 2021.

Thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương. Công tác giải quyết việc làm cho người lao động được quan tâm, tỷ lệ thất nghiệp luôn ở mức thấp dưới 3%; đầu tư phát triển nhà ở xã hội, thành lập “Quỹ nhà

ở xã hội quốc gia", năm 2025 cơ bản xóa toàn bộ nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước.

Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường; ưu tiên nguồn lực đầu tư hỗ trợ cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và địa bàn đặc biệt khó khăn; đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào được cải thiện rõ rệt; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân được quan tâm, bảo đảm. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được đẩy mạnh, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững (SDG) đã đạt được những kết quả tích cực.

7. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống giảm nhẹ thiên tai được tăng cường, tập trung hoàn thiện chính sách, pháp luật về quy hoạch sử dụng đất quốc gia, Quốc hội ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng²⁰, góp phần đồng bộ hệ thống pháp luật ngành, tháo gỡ các điểm nghẽn trong phát triển kinh tế; bố trí quỹ đất đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, bảo đảm kết nối không gian phát triển liên ngành, liên vùng, các hành lang kinh tế và các vùng động lực phát triển của quốc gia; giữ ổn định 3,5 triệu ha đất trồng lúa; bảo đảm tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42 - 43%. Công tác quản lý tài nguyên ngày càng chặt chẽ, thống nhất từ Trung ương đến cơ sở; tăng cường công tác điều tra cơ bản, quy hoạch, quản lý và khai thác tài nguyên, quan trắc, đánh giá, giám sát các nguồn tài nguyên được quy hoạch, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả; chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên tiếp tục được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước; tháo gỡ nhiều bất cập trong quy định về quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường; việc khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên ngày càng tiết kiệm và hợp lý. Công tác dự báo, cảnh báo thiên tai và bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, như độ tin cậy của bản tin dự báo, cảnh báo Khí tượng thủy văn ngày càng được nâng cao, thuộc nhóm các nước dẫn đầu Đông Nam Á và dần tiếp cận trình độ các nước tiên tiến. Quản lý chất thải và kiểm soát môi trường khu công nghiệp có nhiều tiến bộ, như kiểm soát môi trường các lưu vực sông, đô thị, làng nghề được quan tâm, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; bảo vệ phát triển nâng cao chất lượng rừng được chú trọng, nhất rừng đầu nguồn. Công tác bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, khu bảo tồn biển có nhiều tiến bộ. Các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh được thúc đẩy phát triển, năm 2024 tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt khoảng 88%, tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại đạt khoảng 90%, tỷ lệ dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh của cư dân thành thị và nông thôn đạt lần lượt 99,0% và 97,5%, tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn là 92,0%. Công tác phòng, chống thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển và bảo vệ, phát triển tài nguyên nước, ứng phó với các thách thức về nguồn nước xuyên

²⁰ Luật Đất đai, Nghị quyết số 254/2025/QH15, ngày 11/12/2025 về Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai....

biên giới được quan tâm, chỉ đạo sâu sát. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo để bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu,

8. Quốc phòng và an ninh không ngừng được củng cố, tăng cường và giữ vững. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, tăng cường vững mạnh cả về tiềm lực, lực lượng và thế trận. Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân ngày càng được củng cố, gắn kết chặt chẽ với thế trận lòng dân vững chắc, nhất là các địa bàn chiến lược trọng điểm, tuyến biên giới, hải đảo.

Tập trung đầu tư, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; cơ bản hoàn thành điều chỉnh Quân đội, Công an tinh gọn, mạnh, lấy xây dựng vững mạnh về chính trị làm cơ sở, nâng cao chất lượng tổng hợp trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức mạnh chiến đấu đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Toàn quân duy trì sẵn sàng chiến đấu, quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa và không gian mạng, xử lý linh hoạt, hiệu quả các tình huống, không để bị động, bất ngờ, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của ta tại các vùng biển phù hợp với luật pháp quốc tế. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, chất lượng ngày càng cao; dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp ở các ngành, địa phương, nhất là khu vực biển, đảo và các địa bàn chiến lược, trọng điểm. Làm chủ một số công nghệ nền, công nghệ lõi, nghiên cứu thiết kế, chế tạo, sản xuất thành công nhiều chủng loại vũ khí, trang bị kỹ thuật hiện đại, có ý nghĩa chiến lược.

Bảo đảm an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; đấu tranh phòng chống âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ nhiều biện pháp để giảm tội phạm (năm 2025 tội phạm về trật tự xã hội giảm trên 24%), xử lý kịp thời gốc rễ các vấn đề phức tạp về tội phạm và vi phạm pháp luật, nhất là các loại tội phạm hình sự nguy hiểm, tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia. Chủ động phòng, ngừa, ứng phó, giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống và thực hiện nghĩa vụ quốc tế.

Thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân được xây dựng, củng cố ngày càng vững chắc, kết hợp thế trận quốc phòng với thế trận an ninh nhân dân được triển khai thực hiện đồng bộ, có bước phát triển mới và đạt nhiều kết quả. Kết hợp có hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Phòng thủ dân sự, khắc phục hậu quả chiến tranh, ứng phó thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, phòng, chống cháy nổ, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ được tăng cường. Hình ảnh, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, “Người chiến sĩ Công an” được tỏa sáng trong các hoạt động

phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, bảo vệ tính mạng và tài sản của Nhân dân, nhất là “Chiến dịch Quang Trung”, xây dựng, sửa chữa nhà ở cho người dân miền Trung bị thiệt hại từ bão, lũ vừa qua.

9. Đối ngoại và hội nhập quốc tế đã phát huy tích cực và đạt nhiều kết quả nổi bật như công tác đối ngoại của Đảng được coi trọng, triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả, mở rộng và làm sâu sắc quan hệ với các đối tác, trọng tâm là các nước láng giềng, các nước lớn và bạn bè truyền thống; nâng cấp, nâng tầm quan hệ với các đối tác chủ chốt, đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 nước, trong đó quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 14 nước, đối tác chiến lược với 14 nước, đối tác toàn diện với 14 nước. Các đảng, các nước đều tuyên bố, cam kết tôn trọng thể chế chính trị của Việt Nam, nhận thức rõ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hệ thống chính trị và bày tỏ nguyện vọng muốn mở rộng, tăng cường quan hệ song phương và đa phương.

Đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân được triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất, phát huy vai trò trụ cột, mở rộng quan hệ sâu sắc với các đối tác, chính đảng cầm quyền, quan hệ sâu sắc với các nước trong khu vực, láng giềng, các nước lớn, bạn bè truyền thống. Đảng ta có quan hệ với 253 chính đảng ở 115 quốc gia, quan hệ với các đảng cầm quyền, các đảng tham chính cũng như các đảng cộng sản, công nhân quốc tế, vai trò vị thế của Đảng Cộng sản Việt Nam tại các diễn đàn đa phương chính đảng tiếp tục được phát huy và nâng cao. Ngoại giao nhà nước, đối ngoại Quốc hội phát huy vai trò tích cực thông qua các hoạt động nghị viện song phương và đa phương. Đối ngoại quốc phòng, an ninh được triển khai toàn diện, cân bằng, góp phần xây dựng và nâng cao lòng tin chiến lược với các nước. Đối ngoại Công an nhân dân góp phần tăng cường sự đồng thuận, ủng hộ của bạn bè quốc tế trong đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và tham gia trong hoạt động gìn giữ hòa bình, mở rộng ra hoạt động cứu nạn, cứu hộ quốc tế. Đối ngoại nhân dân được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nhân dân triển khai thực hiện hiệu quả, góp phần củng cố tinh thần đoàn kết quốc tế, chia sẻ, tạo thuận lợi cho quan hệ đối ngoại với các nước, góp phần thúc đẩy hòa hợp, hòa giải dân tộc, khẳng định dân tộc Việt Nam có lòng nhân ái, vị tha, đã vượt qua những nỗi đau của chiến tranh, gác lại quá khứ, hướng tới tương lai, cùng hợp tác vì hòa bình, vì an ninh và ổn định khu vực và thế giới,... Ngoại giao Việt Nam thực hiện chính sách nhất quán, độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ và có nhiều đóng góp tích cực vào hòa bình, phát triển của khu vực và thế giới. Phối hợp chặt chẽ với các đối tác quốc tế nhận diện rõ nguy cơ thách thức an ninh phi truyền thống, chia sẻ thông tin, cảnh báo sớm và xử lý các vấn đề xuyên biên giới. Phát huy lợi thế các phương thức ngoại giao, hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, ngoại giao kinh tế đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, động lực cho xây dựng và phát triển đất nước.

Ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại và công tác người Việt Nam ở nước ngoài được triển khai đồng bộ, đạt kết quả tích cực, tổ chức nhiều hoạt động phong phú, góp phần tăng cường hợp tác hữu nghị, tin cậy lẫn nhau với các đối tác, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và triển khai thực hiện nhiều hoạt động quảng

bá thương hiệu quốc gia. Công tác người Việt Nam ở nước ngoài triển khai bài bản, hiệu quả cao, với tinh thần chủ đạo là hòa hợp dân tộc, chăm lo, hỗ trợ kiều bào và huy động nguồn lực kiều bào cho sự phát triển đất nước, phát huy tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc.

10. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo và vận hành theo cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”. Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng được triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả, tập trung rà soát hệ thống pháp luật, loại bỏ các quy định chồng chéo, không phù hợp, gây cản trở cho sự phát triển; hoàn thiện pháp luật đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, phù hợp, khả thi. Phương thức quản lý nhà nước đã từng bước điều chỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước và thông lệ quốc tế. Công tác tổ chức thực hiện pháp luật có nhiều chuyển biến tích cực; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên.

Triển khai thực hiện quyết liệt cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương để nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, phân cấp, phân quyền, mở rộng không gian phát triển, gần dân, tiết kiệm chi thường xuyên. Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Bước đầu đã thực hiện cải cách chế độ tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức; tập trung thực hiện đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính, hướng tới xây dựng Chính phủ số; thực hiện cắt giảm hơn 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính (năm 2025); bãi bỏ hơn 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết; giảm hơn 30% chi phí tuân thủ pháp luật, trong đó các thủ tục liên quan đến doanh nghiệp thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch và hiệu quả; các thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

11. Chính trị ổn định, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, quyết liệt đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

11.1. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

Trong 5 năm qua, công tác xây dựng Đảng được triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt cả về “xây” và “chống”, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Đảng ta luôn giữ vững bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thực hiện tốt 10 nhiệm vụ về xây dựng Đảng, 3 nhiệm vụ trọng tâm và 3 giải pháp đột phá của Đại hội XIII đề ra.

- *Công tác xây dựng Đảng về chính trị được chú trọng*, góp phần nâng cao bản lĩnh, tính tiên phong, năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; kiên định, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng. Bản lĩnh chính trị, tư duy, trí tuệ, năng lực lãnh đạo, cầm quyền, vị thế, sức chiến đấu của Đảng ngày càng được nâng lên, vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức. Năng lực dự báo, hoạch định đường lối, chủ trương, định hướng chiến lược của Đảng tiếp tục được đổi mới, hoàn thiện; kịp thời ban hành các quyết sách đúng đắn, sáng tạo; các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể, đồng bộ thích ứng nhanh với tình hình thực tiễn của đất nước.

- *Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng Đảng về tư tưởng* ngày càng đi vào chiều sâu, góp phần nâng cao nhận thức, tăng cường đoàn kết, thống nhất cao trong Đảng, trong hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, sự đồng thuận trong xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận được chú trọng; hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được bổ sung, phát triển. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có bước chuyển biến rõ rệt, nhất là việc triển khai đấu tranh trên không gian mạng được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đạt kết quả. Chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền được coi trọng, đổi mới chất lượng, hiệu quả; công tác lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan báo chí, xuất bản và công tác văn hóa, văn nghệ có chuyển biến tích cực. Việc nghiên cứu, quán triệt, học tập Nghị quyết của Đảng tập trung đổi mới triển khai đồng bộ, hiệu quả từ Trung ương xuống cơ sở; công tác dự báo, nắm tình hình tư tưởng, xử lý thông tin, định hướng dư luận xã hội thực hiện kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị có nhiều chuyển biến tích cực, đổi mới về nội dung và phương pháp triển khai.

- *Công tác xây dựng Đảng về đạo đức được đề cao*, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và ban hành các văn bản quan trọng²¹, cấp ủy các cấp, tổ chức đảng tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, qua đó nâng cao năng lực lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Việc giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng được tiến hành thường xuyên gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và gắn với thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; cán bộ, đảng viên nêu cao tính tiên phong, gương mẫu, danh dự. Việc biểu dương nhân rộng điển hình tiên tiến, kiên quyết đấu tranh với hành vi vi phạm đạo đức, lối sống được chú trọng; phần lớn cấp ủy, người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị đã chỉ đạo, tổ chức

²¹ Kết luận số 21 - KL/TW ngày 25/10/2021 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị: kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; Quy định số 37 - QĐ/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm; Quy định số 144 - QĐ/TW ngày 9/5/2024 của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới

thực hiện nghiêm túc các quy định về trách nhiệm nêu gương, kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII, Kết luận Trung ương 4 khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

- *Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị*, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo với quyết tâm chính trị cao nhất để triển khai thực hiện thành công cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị; các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương thực hiện quyết liệt, với cách làm mới, khẩn trương, đồng bộ, dân chủ, khoa học, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, giữ vững nguyên tắc, đúng quy định, kiên định, kiên trì các mục tiêu đề ra. Hệ thống tổ chức và các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương được sắp xếp, đồng bộ, tinh gọn; kết thúc hoạt động các đảng đoàn, ban cán sự đảng, lập các đảng bộ mới ở Trung ương và cấp tỉnh; giảm nhiều cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương, tỉnh, huyện và đầu mối bên trong. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, tổ chức được rà soát, điều chỉnh, bổ sung rõ ràng hơn, cơ bản khắc phục sự chồng chéo, loại bỏ khâu trung gian, có sự chuyển biến tích cực được Nhân dân đồng tình, ủng hộ và bạn bè quốc tế đánh giá cao. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị tác động từ thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế được quan tâm, giải quyết thỏa đáng. Kết quả cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị là chủ trương đúng, trúng, phù hợp với thực tiễn phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- *Triển khai mạnh mẽ, quyết liệt, toàn diện và đồng bộ công tác xây dựng Đảng về tổ chức* ngày càng đi vào chiều sâu và chuyển biến tích cực hơn; tổ chức cơ sở đảng được rà soát, kiện toàn đồng bộ với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập. Chức năng, nhiệm vụ của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng được bổ sung, sửa đổi kịp thời; sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt Chi bộ được đổi mới về nội dung và hình thức. Việc đánh giá xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên đi vào thực chất, khách quan, thiết thực hơn, từng bước khắc phục tình trạng bệnh thành tích. Đội ngũ cấp ủy viên thường xuyên được củng cố, kiện toàn, nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo. Chất lượng đội ngũ đảng viên được nâng cao. Công tác phát triển đảng viên trong các doanh nghiệp tư nhân và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, biên giới, hải đảo được tăng cường, cơ bản xóa được tình trạng “trắng” đảng viên ở thôn, bản. Công tác quản lý, rà soát, sàng lọc đảng viên được thực hiện ngày càng nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy định. Kịp thời biểu dương các đồng chí Bí thư chi bộ xuất sắc, tiêu biểu. Tiến hành đổi thẻ đảng viên trong toàn Đảng, đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ và nâng cao hiệu quả công tác quản lý đảng viên.

- *Công tác xây dựng Đảng về cán bộ ngày càng khẳng định vai trò, trách nhiệm*, có nhiều đổi mới, hiệu quả, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp từng bước trưởng thành và thực chất hơn. Ban hành nhiều chủ trương và sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế về công tác cán bộ bảo đảm dân chủ, khách quan, minh bạch và

chặt chẽ, đúng nguyên tắc, đánh giá cán bộ ngày càng thực chất, khách quan, thực chất hơn, gắn đánh giá phẩm chất, năng lực, uy tín của cán bộ với chức trách nhiệm vụ được giao. Chất lượng quy hoạch cán bộ được nâng lên, lấy quy hoạch cán bộ cấp dưới làm căn cứ xây dựng quy hoạch cấp trên, gắn xây dựng quy hoạch với công tác đánh giá cán bộ. Công tác luân chuyển cán bộ có nhiều đổi mới, đạt kết quả tích cực. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên từng bước được đổi mới nội dung, hình thức, bám sát yêu cầu nhiệm vụ. Các chế độ chính sách cán bộ được thực hiện kịp thời và đầy đủ; khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Tuyển chọn, bố trí, sử dụng và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp có nhiều đổi mới, đồng bộ. Công tác quản lý cán bộ ngày càng đi vào nề nếp, chặt chẽ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương. Việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ được các cấp ủy chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc, tạo chuyển biến bước đầu trong văn hóa từ chức. Xử lý nghiêm, đồng bộ giữa kỷ luật của Đảng với xử lý bằng pháp luật đối với cán bộ vi phạm, kể cả cán bộ chuyển công tác hoặc nghỉ hưu. Nhiệm kỳ XIII, đã xử lý nghiêm minh nhiều cán bộ lãnh đạo cấp cao vi phạm kỷ luật của Đảng và kịp thời kiện toàn nhân sự thay thế các chức danh lãnh đạo cấp cao, góp phần làm cho Đảng ta đoàn kết hơn, vững mạnh hơn, trong sạch hơn, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân với Đảng, Nhà nước. Đa số cán bộ, đảng viên hiện nay có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống giản dị, đóng góp vào sự thành công của công cuộc đổi mới của đất nước. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đạt nhiều kết quả.

- *Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng*, các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, thiết thực, góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng; chất lượng, hiệu lực, hiệu quả kiểm tra, giám sát được nâng lên và đạt kết quả nổi bật, khá toàn diện, có bước đột phá, góp phần quan trọng vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Hệ thống thể chế và kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng được sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời, đồng bộ, thống nhất và chặt chẽ hơn. Chủ động mở rộng đối tượng kiểm tra, bảo đảm không có vùng cấm, không có ngoại lệ; nhiều vụ việc phức tạp, tồn đọng, kéo dài, thu hút sự quan tâm của dư luận được xử lý kịp thời, nghiêm minh, dứt điểm; nhiều vụ việc mới phát sinh được kiểm tra, kết luận, xử lý kịp thời. Các cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc kê khai, công khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập nhằm phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Công tác phối hợp kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án ngày càng chặt chẽ, hiệu quả. Việc công khai kết luận kiểm tra và xử lý vi phạm đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm pháp luật, góp phần cảnh tỉnh, răn đe và giáo dục cán bộ, đảng viên.

- *Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả từ Trung ương đến địa phương* như xây dựng, hoàn thiện các văn bản thể chế về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có bước tiến mạnh mẽ, đồng bộ, Bộ Chính trị đã ban hành các quy định về kiểm soát quyền lực,

phòng, chống tham nhũng trên các lĩnh vực (công tác cán bộ; kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng; hoạt động thanh tra, kiểm tra, truy tố, xét xử, thi hành án; công tác xây dựng pháp luật; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công). Công tác phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện bài bản, quyết liệt, hiệu quả, chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, đồng thời kiên quyết xử lý trách nhiệm người đứng đầu; kịp thời khuyến khích từ chức, miễn nhiệm, thay thế những cán bộ bị kỷ luật, uy tín giảm sút theo phương châm: có vào, có ra, có lên, có xuống. Nhờ vậy, tình trạng tham nhũng, tiêu cực đã được kiểm soát, ngăn chặn, đẩy lùi, khắc phục tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”; công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở cơ sở, địa phương có sự chuyển biến tích cực, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh, thúc đẩy phát kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng và Nhà nước. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng được tăng cường, nâng cao hiệu quả và mở rộng hoạt động phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ra ngoài khu vực nhà nước.

11.2. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng bảo đảm quan điểm, nguyên tắc, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành đồng bộ nhiều chủ trương, quyết sách có tính chiến lược, đặc biệt coi trọng công tác lãnh đạo, chỉ đạo thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ những nút thắt, điểm nghẽn của thể chế, các tình huống mới phát sinh, chưa từng có tiền lệ, được cán bộ, đảng viên và Nhân dân đồng tình, đánh giá cao; kịp thời ban hành các chủ trương, chính sách đột phá về đổi mới toàn diện công tác xây dựng, thực thi pháp luật; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xây dựng lực lượng sản xuất mới; phát triển kinh tế tư nhân; hội nhập quốc tế trong tình hình mới, hướng đến chủ động hội nhập sâu rộng, tận dụng các cơ hội và vượt qua thách thức đưa đất nước phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới²². Cấp ủy các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tổ chức, triển khai thực hiện, kịp thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng cụ thể, rõ ràng hơn, nhất là về trách nhiệm, thẩm quyền của tập thể và cá nhân. Thực hiện nguyên tắc Đảng lãnh đạo, việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ngày càng hiệu quả hơn; thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo, quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị và công tác cán bộ; cấp ủy các cấp, tổ chức đảng chú trọng đổi mới phương pháp

²² Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.....

lãnh đạo, nề nếp công tác thường xuyên. Công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục được đổi mới đồng bộ, tạo sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân. Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên được thể chế hóa thành quy định cụ thể, nhất là trách nhiệm nêu gương toàn diện của người đứng đầu. Việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kiểm soát quyền lực được đặc biệt coi trọng, triển khai toàn diện, đồng bộ, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu, sự đoàn kết, thống nhất, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt và tài tình của Đảng là nhân tố quyết định những kết quả, thành tựu của đất nước thời gian qua, quyết định sự thành công của sự nghiệp đổi mới.

11.3. Môi quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân được tăng cường

Nhiệm kỳ XIII, Đảng ta đặc biệt coi trọng công tác lý luận, từng bước phát triển nhận thức về công tác dân vận và xây dựng mối quan hệ mật thiết với Nhân dân. Khẳng định Dân là gốc, là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới của đất nước và công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng; bổ sung, phát triển, từng bước hoàn thiện quan điểm về dân chủ và mở rộng phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; mở rộng phát triển phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” thành “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” ngày càng được làm sáng tỏ. Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới, nêu cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị với công tác dân vận, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng, củng cố vững chắc lòng tin của Nhân dân đối với Đảng. Tăng cường đối thoại, tiếp xúc với Nhân dân, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, giải quyết kịp thời những bức xúc, kiến nghị chính đáng của Nhân dân; thực hiện có hiệu quả phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Phát huy đầy đủ hơn vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác dân vận; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân; phong trào thi đua “Dân vận khéo” đã trở thành hoạt động thường xuyên, ngày càng lan tỏa sâu rộng trong xã hội.

11.4. Hoàn thiện và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm quyền làm chủ, phát huy sức mạnh của Nhân dân, dân chủ không ngừng mở rộng và nâng cao. Thực hiện dân chủ trong các cơ quan nhà nước, đơn vị công lập có nhiều tiến bộ rõ rệt; phát huy dân chủ trong các tổ chức chính trị - xã hội, trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, đạt kết quả quan trọng và tích cực. Với tinh thần “dân là gốc”, “dân là trung tâm, là chủ thể”, đời sống dân chủ trong xã hội có nhiều tiến bộ, Nhân dân thực hiện quyền làm chủ. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố trong thực tiễn, nhất là trong những thời điểm khó khăn phòng, chống dịch và khắc phục hậu quả thiên tai. Sinh hoạt dân chủ trong các cơ quan dân cử, hành chính và tư pháp các cấp có những khởi sắc đáng ghi nhận, được Nhân dân ủng hộ cao. Kết hợp chặt chẽ đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, giữ vững ổn định xã hội,

tao điều kiện cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế ngày càng phát triển, góp phần nâng cao vị thế, uy tín của đất nước trong khu vực và thế giới.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, trở thành trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm tốt vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Sự đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thể hiện trên những mặt chủ yếu: (1) chuyển từ nội dung, phương thức hoạt động đơn điệu, tuyên truyền, thuyết phục là chủ yếu sang nắm bắt, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân và chăm lo, bảo vệ lợi ích của hội viên; (2) chuyển dịch mạnh mẽ từ tình trạng hành chính hóa sang dân chủ hóa các hoạt động, phát huy tính năng động, chủ động, sáng tạo; (3) không ngừng mở rộng, đa dạng hóa và linh hoạt.

III. NHỮNG ĐẤU ÁN NÓI BẬT NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

Nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng có nhiều dấu ấn đột phá trong công tác xây dựng Đảng, cải cách thể chế, phòng, chống tham nhũng, phục hồi phát triển kinh tế - xã hội như sau:

1. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh được triển khai quyết liệt. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí theo phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”; củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

2. Bước tiến mới trong hoàn thiện thể chế, ban hành nhiều chính sách mới, đột phá, tháo gỡ “điểm nghẽn” về thể chế, hạ tầng, nhân lực; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm soát quyền lực, cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

3. Quyết liệt triển khai thực hiện cuộc cách mạng về sắp xếp tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp theo tinh thần Nghị quyết số 18 - NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

4. Phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, với tinh thần “dân là gốc”, “dân là trung tâm, là chủ thể”.

5. Đẩy mạnh Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030 với tinh thần “Văn hóa soi đường quốc dân đi”; bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao các chỉ số phát triển con người, phát triển bền vững, hạnh phúc.

6. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường; giữ vững chủ quyền, lãnh thổ quốc gia, an ninh biên giới, biển đảo; Việt Nam đảm nhiệm thành công các vai trò quốc tế như thành viên tích cực của Liên hợp quốc, ASEAN, APEC, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

7. Bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên; thực hiện cam kết “phát thải ròng bằng 0” (net Zero) đến năm 2050 tại COP 26; siết chặt công tác quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường; xây dựng Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030.

8. Chuyển đổi số quốc gia trong quản lý nhà nước, nhiều dịch vụ công trực tuyến cấp 4 được cung cấp trên cổng Dịch công quốc gia; đẩy mạnh Chính phủ số, công dân số.

Đại hội XIV của Đảng tiếp tục kế thừa những thành tựu, thế mạnh của Đại hội XIII, đổi mới sáng tạo, thực hiện các đột phá chiến lược; phát huy mạnh mẽ tinh thần đoàn kết toàn dân tộc, lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tự hào dân tộc và giá trị, văn hóa con người Việt Nam. Quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

ĐỀ CƯƠNG

tuyên truyền kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2026 - 2031

*(kèm theo Công văn số 691-CV/BTGDV, ngày 31/3/2026
của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ)*

I. BỐI CẢNH

Trước hết, cuộc bầu cử được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sắc, toàn diện, kịp thời của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, trực tiếp, thường xuyên của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm; sự chỉ đạo, phối hợp thống nhất, quyết liệt, khoa học của Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự vào cuộc đồng bộ của hệ thống chính trị, sự đoàn kết, đồng lòng của các tầng lớp nhân dân.

Thứ hai, cuộc bầu cử diễn ra ngay sau thành công rất tốt đẹp của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, cả hệ thống chính trị và toàn dân đang hồ hởi, trong khí thế mới, niềm tin mới.

Thứ ba, thời gian chuẩn bị và tổ chức cuộc bầu cử được rút ngắn khoảng 02 tháng so với các nhiệm kỳ trước, trong khi toàn bộ các bước của quy trình bầu cử vẫn phải bảo đảm thực hiện đầy đủ, chặt chẽ, đúng quy định của luật.

Thứ tư, sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính, nhiều cán bộ mới, nhưng nhiều yêu cầu mới, yêu cầu cao; nhiều nơi địa bàn rộng, quy mô dân số lớn, phạm vi tổ chức bầu cử được mở rộng, điều kiện địa lý tại nhiều vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo vẫn còn không ít khó khăn.

Thứ năm, đây là kỳ bầu cử đầu tiên đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số một cách toàn diện trong tổ chức thực hiện, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch, chính xác và hiệu quả.

II. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Đã triển khai nghiêm túc Nghị quyết của Quốc hội và Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị, ngày 15/11/2025. Ở Trung ương, các cơ quan đã ban hành đầy đủ 27/27 văn bản, tài liệu theo yêu cầu. Bên cạnh đó, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Công an ban hành hướng dẫn về đăng ký mẫu con dấu, thu hồi con dấu của các tổ chức phụ trách bầu cử; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành Thông tri hướng dẫn kiểm tra, giám sát công tác bầu cử; hướng dẫn giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội. Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia và các Tiểu ban giúp việc Hội đồng bầu cử quốc gia đã ban hành 589 văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc triển khai bầu cử.

Cùng với việc ban hành các văn bản hướng dẫn, Hội đồng bầu cử quốc gia đã tổ chức thành công 02 Hội nghị trực tuyến toàn quốc quán triệt, triển khai công tác bầu cử; 02 Hội nghị tập huấn trực tuyến toàn quốc về sử dụng phần mềm triển khai công tác bầu cử; 04 phiên họp của Hội đồng bầu cử quốc gia và 01 phiên họp của Thường trực Hội đồng bầu cử quốc gia.

Ở địa phương, các tỉnh ủy, thành ủy đã thành lập Ban Chỉ đạo công tác bầu cử, ban hành chỉ thị lãnh đạo cuộc bầu cử, quán triệt các văn bản chỉ đạo của Trung ương. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban bầu cử các tỉnh, thành phố đã ban hành đầy đủ văn bản hướng dẫn, tổ chức tập huấn nghiệp vụ bầu cử, vận hành khu vực bỏ phiếu, chuẩn bị cơ sở vật chất, phương án bảo đảm an ninh, trật tự, y tế phục vụ sẵn sàng cho ngày bầu cử. Theo kết quả kiểm tra, giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng bầu cử quốc gia, qua 03 đợt kiểm tra, giám sát tại 34 tỉnh, thành phố, các địa phương đã chủ động ban hành khoảng 6.636 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai công tác bầu cử.

2. Việc thành lập và hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử

Việc thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương được triển khai, nghiêm túc, bảo đảm đúng pháp luật, đúng thành phần, số lượng thành viên và triển khai tốt các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

3. Công tác nhân sự, hiệp thương lựa chọn, giới thiệu, lấy ý kiến cử tri

Công tác chuẩn bị nhân sự tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 được tiến hành thận trọng, bảo đảm đúng quy trình, phát huy dân chủ và sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, toàn diện của Đảng trong công tác cán bộ; gắn với kết quả nhân sự của Đại hội Đảng các cấp và quy hoạch cán bộ để giới thiệu những người tiêu biểu về phẩm chất, đạo đức, năng lực, có quan điểm, lập trường chính trị vững vàng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn thực hiện nhiệm vụ đại biểu. Yêu cầu về số dư, tỷ lệ nữ, trẻ tuổi, dân tộc, ngoài Đảng đều đạt hoặc cao hơn so với quy định. Cụ thể như sau:

a) Đối với nhân sự đại biểu Quốc hội

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã 2 lần điều chỉnh, sau Hội nghị Hiệp thương lần thứ ba, thống nhất lập danh sách 217 người ở trung ương ứng cử đại biểu Quốc

hội khóa XVI. Trong đó, cơ quan Chủ tịch nước giảm 01 đại biểu còn 02 đại biểu; Bộ Quốc phòng tăng 01 đại biểu là 14 đại biểu. Ở địa phương, đã lập danh sách 647 người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI tại 34 tỉnh, thành phố, trong đó có 642 người được giới thiệu ứng cử và 05 người tự ứng cử. Về cơ bản, việc dự kiến và điều chỉnh được tiến hành kịp thời, đúng quy định, bảo đảm cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu phù hợp với tình hình chung và cụ thể của từng địa phương.

Ngày 14/02/2026, Hội đồng bầu cử quốc gia đã ban hành Nghị quyết số 151/NQ-HĐBCQG công bố danh sách 864 người chính thức ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI ở 182 đơn vị bầu cử trong cả nước. Tính đến ngày 12/3/2026, có chính thức 863 người ứng cử ĐBQH khóa XVI ở 182 đơn vị bầu cử trong cả nước. Trong đó, số người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI do Trung ương giới thiệu là 216 người (giảm 01 người); địa phương có 647 người, đạt tỷ lệ 1,73 người ứng cử trên 01 đại biểu được bầu (trong đó có 5 người tự ứng cử, tỷ lệ 0,58%).

b) Đối với nhân sự đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

- Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được bầu là 2.552 người, giảm 02 người so với kết quả Hội nghị Hiệp thương lần thứ 3 do địa phương đề nghị điều chỉnh, cập nhật trường hợp khuyết người ứng cử vì lý do bất khả kháng.

Tổng số người ứng cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo danh sách chính thức những người ứng cử là 4.217 người, giảm 10 người so với kết quả Hội nghị Hiệp thương lần thứ 3, đạt tỷ lệ 1,65 người ứng cử trên 01 đại biểu được bầu.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã

Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được bầu: 72.612 người, giảm 02 người so với kết quả Hội nghị Hiệp thương lần thứ 3 do địa phương đề nghị điều chỉnh, cập nhật trường hợp khuyết người ứng cử vì lý do bất khả kháng.

Tổng số người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã là 120.873 người, giảm 369 người so với kết quả Hội nghị Hiệp thương lần thứ 3 do điều chỉnh, cập nhật số liệu theo danh sách chính thức những người ứng cử các địa phương hoặc khuyết người ứng cử vì lý do bất khả kháng, đạt tỷ lệ 1,66 người ứng cử trên 01 đại biểu được bầu.

4. Việc lập, niêm yết danh sách cử tri

Công tác lập và rà soát danh sách cử tri được triển khai nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật. Theo báo cáo:

- Tổng số cử tri bầu đại biểu Quốc hội: **76.423.940 cử tri**
- Tổng số cử tri bầu HĐND cấp tỉnh: **76.423.940 cử tri**
- Tổng số cử tri bầu HĐND cấp xã: **75.097.388 cử tri**

5. Về Công tác tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử, tập huấn; công tác giám sát, kiểm tra; thông tin, tuyên truyền; bảo đảm an ninh, trật tự, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phục vụ; tài chính và cơ sở vật chất; tổ chức bầu cử sớm... được triển

khai đồng bộ, đúng quy định, góp phần bảo đảm cuộc bầu cử diễn ra an toàn, dân chủ và đúng pháp luật.

6. Về bầu cử sớm, trên cơ sở đề nghị của các địa phương, Hội đồng bầu cử quốc gia đã cho phép 217 khu vực bỏ phiếu tại 11 tỉnh, thành phố tổ chức bầu cử sớm từ ngày 26/02/2026 đến hết ngày 14/3/2026.

III. KẾT QUẢ

1. Tỷ lệ cử tri đi bầu

Theo báo cáo sơ bộ của 34 tỉnh, thành phố, có khoảng **76.198.214/76.423.940** cử tri, đạt **99,70%**. Nhìn chung, tỷ lệ cử tri tham gia bỏ phiếu trên phạm vi cả nước đạt tỷ lệ **cao nhất** từ trước đến nay.

2. Kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI

2.1. Về số lượng đại biểu Quốc hội

Tổng số đại biểu Quốc hội được bầu là 500 đại biểu, tổng số người ứng cử là **863** người. Số đại biểu trúng cử là **500** người. Đại biểu do các cơ quan, tổ chức ở trung ương giới thiệu: có **214** người trúng cử, có **02** người không trúng cử.

Với kết quả nêu trên cho thấy, cơ cấu thành phần đại biểu Quốc hội khóa XVI đã giảm đại biểu kiêm nhiệm làm việc trong các cơ quan hành pháp, tư pháp, tăng tỷ lệ đại biểu hoạt động chuyên trách. Tỷ lệ đại biểu Quốc hội dự kiến hoạt động chuyên trách trúng cử cao nhất từ trước đến nay, đạt 40% (cao hơn 1,4% so với nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; 5,5% so với nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV; 7,2% so với nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII; 10,6% so với nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII).

Đặc biệt, lần đầu tiên trong 16 nhiệm kỳ, số đại biểu do Trung ương giới thiệu về địa phương ứng cử đạt tỷ lệ trúng cử cao nhất (**214/216** người trúng cử); 100% số đại biểu dự kiến hoạt động chuyên trách trúng cử. Đồng thời, đây cũng là lần đầu tiên Quốc hội nước ta có thêm đại diện của người dân tộc Ô Đu - một trong những dân tộc ít người nhất tại Việt Nam; tỷ lệ đại biểu là phụ nữ trúng cử tiếp tục đạt mức cao (30%).

3. Kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

3.1. Cấp tỉnh: Theo báo cáo của 34 tỉnh, thành phố, các địa phương đã bầu đủ **2.552** đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo Luật định.

3.2. Cấp xã: Theo báo cáo sơ bộ của các tỉnh, thành phố, cả nước bầu được **72.437** đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Dưới sự lãnh đạo sâu sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, sự chỉ đạo tổ chức thực hiện quyết liệt, khoa học, kịp thời, chuyên nghiệp, sáng tạo của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các cấp, các ngành, các tổ chức phụ trách bầu cử từ

Trung ương đến địa phương, Cuộc bầu cử đã thành công rất tốt đẹp. Thành công của cuộc bầu cử thể hiện ở một số nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, kết quả bầu cử 500 đại biểu Quốc hội, 2.552 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và hơn 72.437 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, đã khẳng định công tác nhân sự được chuẩn bị kỹ lưỡng, dân chủ, đúng quy định của pháp luật.

Thứ hai, số lượng cử tri lớn nhất, tỷ lệ cử tri tham gia bỏ phiếu đạt cao nhất từ trước đến nay (**99,70%**) đã thể hiện rõ ý thức chính trị và trách nhiệm công dân; công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp được triển khai quyết liệt, đồng bộ; công tác thông tin, tuyên truyền được tổ chức rộng khắp, hiệu quả.

Thứ ba, các nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch được bảo đảm xuyên suốt trong toàn bộ quy trình bầu cử, từ dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng; hiệp thương, lấy ý kiến cử tri; giới thiệu người ứng cử; vận động bầu cử; đến tổ chức bỏ phiếu, kiểm phiếu, qua đó lựa chọn được những đại biểu đủ tiêu chuẩn, xứng đáng.

Thứ tư, công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện được tiến hành nghiêm túc, đúng quy định pháp luật, bảo đảm tiến độ đề ra. Hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn được ban hành kịp thời, đồng bộ; công tác thông tin, tuyên truyền có nhiều đổi mới, góp phần nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận xã hội.

Thứ năm, tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong suốt quá trình diễn ra cuộc bầu cử được giữ vững; không phát sinh tình huống phức tạp, bất thường; số lượng các đơn thư, khiếu nại tố cáo liên quan đến cuộc bầu cử giảm hơn nhiều so với các nhiệm kỳ trước.

2. Nguyên nhân thành công

- Sự lãnh đạo chặt chẽ, toàn diện, kịp thời của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy Đảng trong toàn bộ quá trình chuẩn bị và tổ chức bầu cử.

Sự tham gia tích cực, trách nhiệm của cử tri và các tầng lớp Nhân dân cả nước, thể hiện qua tinh thần chủ động trong công tác chuẩn bị và ý thức lựa chọn đại biểu thông qua từng lá phiếu.

- Công tác chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời; công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên; sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Trung ương và địa phương, nhất là Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; cùng với hoạt động tích cực, chủ động của Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban giúp việc và các bộ phận tham mưu giúp việc của các cơ quan tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên đã phát huy hiệu quả vai trò trong công tác hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, vận động bầu cử và động viên Nhân dân tích cực tham gia.

- Sự chủ động, trách nhiệm của chính quyền và các cơ quan trong hệ thống chính trị các cấp trong việc tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, bảo đảm an

ninh, trật tự; đẩy mạnh tuyên truyền; giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo; chuẩn bị đầy đủ điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ bầu cử.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy Đảng đối với công tác chuẩn bị bầu cử là yếu tố quan trọng hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cuộc bầu cử.

Hai là, sự phân công, hợp tác tích cực, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức hữu quan trong công tác chỉ đạo chuẩn bị bầu cử sẽ tạo sự thống nhất, thông suốt từ Trung ương đến cơ sở trong việc tổ chức chuẩn bị và tiến hành cuộc bầu cử. Sự tin tưởng, đồng lòng của Nhân dân, ý thức trách nhiệm của công dân, sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị vào công tác bầu cử là yếu tố quyết định, bảo đảm chắc chắn cho thành công của cuộc bầu cử.

Ba là, công tác thông tin, tuyên truyền mạnh mẽ, sâu rộng đến mọi người dân về bầu cử với nhiều hình thức đa dạng, thiết thực, nội dung phong phú; việc bảo đảm sự công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng, bình đẳng; phát huy tốt vai trò của Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức thành viên trong việc vận động khuyến khích người dân, cử tri cả nước tham gia vào các bước trong quá trình bầu cử.

Bốn là, quán triệt quan điểm công tác chuẩn bị nhân sự cho Đại hội Đảng các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và công tác chuẩn bị nhân sự cho Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp có mối quan hệ mật thiết, mang tính tổng thể, liên thông và có tính kế thừa.

Năm là, làm tốt công tác tập huấn nghiệp vụ bầu cử; thành viên các tổ chức phụ trách bầu cử có tâm huyết, trách nhiệm, nắm vững luật pháp về bầu cử, thành thạo công việc, giữ vững nguyên tắc. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về tiến độ triển khai công tác bầu cử; thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời chỉ đạo, giải quyết những vướng mắc, khó khăn ở địa phương, cơ sở.